CÂU HỎI ÔN TẬP MÔN TỘI PHẠM HỌC

>>> Nguồn: https://hocluat.vn/cau-hoi-on-tap-mon-toi-pham-hoc-co-dap-an/

Tổng hợp câu hỏi ôn tập môn Tội phạm học (có gợi ý đáp án) được chia sẻ bởi Ths.Trịnh Hạnh – Giảng viên Học viện Tòa án. Hocluat.vn xin chia sẻ để các bạn tham khảo!

Câu 1. Phân tích các thuộc tính của tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Tình hình của tội phạm là một hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội, thường xuyên thay đổi, có tính giai cấp và pháp luật hình sự, được phản ánh qua các thông số về tình hình, cơ cấu, diễn biến của toàn bộ các loại hoặc

của một số loại tội phạm cùng các chủ thể thực hiện chúng đã xảy ra trong một khoảng thời gian và trong một phạm vi không gian nhất định.

Tình hình tội phạm bao gồm các thuộc tính: tính xã hội, tính pháp lý, tính thay đổi về mặt lịch sử, tính tiêu cực, tính phổ biến.

**** Tính xã hội***

– Tình hình tội phạm được quy định không phải bởi bản chất sinh học của con người, mà là bản chất và nội dung của những mối quan hệ và mâu thuẫn xã hội. Nó được thể hiện như sau:

+ Tình hình tội phạm có xuất xứ mang tính lịch sử.

+ Tình hình tội phạm có mối quan hệ nhân quả với các quá trình và hiện tượng xã hội.

+ Mức độ và tính chất của tình hình tội phạm tại các hệ thống kinh tế-xã hội khác nhau và tại các quốc gia khác nhau có mối tương quan chặt chẽ với những hoàn cảnh sống và hoạt động của con người nơi đó.

+ Những dạng tình hình tội phạm cụ thể được xác định bởi xã hội và quốc gia.

+ Trong những quốc gia khác nhau có đặc trưng riêng của mình trong cách hiểu tội phạm và không phải là tội phạm.

+ Sự thay đổi các chỉ số cảu tình hình tội phạm theo thời gian và theo không gian trong giới hạn một quốc gia phụ thuộc vào sự biến chuyển tương ứng trong những điều kiện tồn tại cụ thể của con người.

+ Tình hình tội phạm chứa đựng kết quả xã hội nguy hiểm của hoạt động và đời sống của con người.

+ Tình hình tội phạm gây ra thiệt hại cho xã hội, gây ra những tác hại rất lớn vè các mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức.

+ Đấu tranh với tình hình tội phạm đòi hỏi việc áp dụng các biện pháp xã hội. Chúng mang lại những kết quả đáng kể trong việc kiểm soát tình hình tội phạm.

**** Tính pháp lý***

– Theo nguyên tắc được thừa nhận chung: "Không có tội phạm nếu như luật không quy định" được ghi nhận ở hầu hết các nước, trong đó có Việt Nam.

– Tình hình tội phạm có thể được xem xét với tư cách là những dạng sai lệch với những chuẩn mực xử sự (đạo đực). Nhưng chỉ khi tội phạm hóa những dạng đặc biệt nguy hiểm vào trong luật hình sự thì mới tạo ra những dạng tương ứng của hành vi lệch chuẩn là tội phạm và tình hình tội phạm mới trở thành hiện tượng pháp lý và xác định tương đối.

**** Tính thay đổi về mặt lịch sử***

– Có mối liên hệ với những sự thay đổi của xã hội: đạo đức, chính trị- Tư tưởng, quản lý- Tổ chức, khoa học – công nghệ và những điều kiện khách quan khác làm thay đổi cả về lượng và về chất tình hình tội phạm. Cùng với quá trình này sẽ diễn ra quá trình làm mất đi dạng xử sự tội phạm này và làm phát sinh dạng khác.

**** Tính tiêu cực***

– Có thể mói rằng các thiệt hại mà tội phạm mang lại cho xã hội là hết sức lớn: thiệt hại về con người, kinh tế. trật tự xã hội, an ninh xã hội, chính quyền quốc gia và các chủ thể bị xâm hại khác.

– Cái giá của tội phạm phản ánh qua tình hình tội phạm bao gồm cả những chi phí khổng lồ mà xã hội phải chi trả cho công tác đấu tranh phòng, chống, phục hồi công lý, hình phạt dành cho người phạm tôi.

– Tình hình tội phạm bao giờ cũng mang tính xã hội bởi vì nó phản ánh các đặc tính chống đối xã hội, chống đối tập thể và các đặc điểm cá nhân khác của những người phạm tội. Nó là hiện tượng tiêu cực đối vơi xã hôi, mỗi thành viên cảu xã hội và chính người phạm tội.

**** Tính phổ biến***

– Tình hình tội phạm với tư cách là hiện tượng phổ biến chứa đựng tổng thể những hành vi phạm tội và những người thực hiện chúng trong không gian và thời gian xác định.

Câu 2. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các yếu tố nguy cơ trong tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

– Giúp cho người phạm tội nhận thức được các yếu tố đưa họ đối mặt với nguy cơ và gây khó khăn cho họ khi tái hòa nhập.

– Giúp giải quyết các nguy cơ phạm tội ngay từ trong các cơ sở giam giữ các chương trình can thiệp vào cộng động, có liên quan đến giáo dục, việc làm, chỗ ở, ma túy và đồ uống có cồn, bệnh tâm thần, mạng lưới xã hội, kỹ năng nhận thức và thái độ.

– Tạo ra các biện pháp hỗ trợ hiệu quả những nhất là những biện pháp giải quyết trực tiếp các yếu tố nguy cơ.

– Giải quyết yếu tố nguy cơ như bên trong cá nhân có cá tính khó chiều, là nạn nhân từ sớm, mắc bệnh tâm thần, bị hạn chế học tập, hoặc bên ngoài gia đình, xã hội trường học cộng đồng, trong quan hệ cùng trang lứa.

– Người phạm tội chưa thành niên, các yếu tố nguy cơ từ phía gia đình đối với hành vi phạm pháp và chống đối xã hội chính là một gia đình không bình thường cha mẹ bỏ rơi không quan tâm hay có những nguyên tắc những giáo điều cứng nhắc kém hiệu quả, thiếu sự giám sát tác động hợp lý.

– Sự phân biệt giàu nghèo chủng tộc giới tính tôn giáo, chương trình giáo dục chất lượng kém gây ra những việc nghỉ học bỏ dở. Nghèo đói là yếu tố nguy cơ

chung dẫn đến hành vi chống đối xã hội, thanh thiếu niên tham gia chơi với bạn bè có lối sống lệch lạc.

Câu 3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của nhân thân của người phạm tội trong tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Nhân thân người phạm tội được tội phạm học nghiên cứu bao gồm những đặc điểm đặc trưng điển hình phản ánh bản chất xã hội của người phạm tội và những đặc điểm này có vai trò quan trọng trong cơ chế của hành vi phạm tội và góp phần phát sinh 1 tội phạm cụ thể (hoàn cảnh gia đình, trình độ học vấn,…).

Những đặc điểm nhân thân người phạm tội được tội phạm học nghiên cứu ở các khía cạnh:

– Sinh học (giới tính, khí chất…)

– Tâm lý (ý thức, thói quen giải trí…)

– Xã hội (nghề nghiệp, nơi cư trú…)

– Pháp lý hình sự (thể hiện tính nguy hiểm cho xã hội của nhân thân người phạm tội: phạm tội lần đầu, tái phạm, nhiều lần, chuyên nghiệp…).

Tội phạm học nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm làm sáng tỏ mối quan hệ và sự tác động qua lại của các đặc điểm sinh học, xã hội trong nhân thân người phạm tội. Từ đó xác định vai trò của từng nhóm đặc nhằm sử dụng điểm này trong cơ chế của hành vi phạm tội biện pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội tạo cơ sở cho việc xác định nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, đặc biệt là nhóm nguyên nhân và điều kiện từ phía người phạm tội.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội có ý nghĩa trong việc quyết định biện pháp trách nhiệm hình sự phù hợp.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp giáo dục cải tạo người phạm tội phù hợp.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội tạo cơ sở cho việc xây dựng các biện pháp dự báo và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Câu 4. Vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật và tòa án trong phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Phòng ngừa tội phạm là việc sử dụng hệ thống các biện pháp mang tính xã hội và nhà nước nhằm khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, hạn chế và loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Toà án, Viện kiểm sát.

Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, soạn thảo đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp.

Sử dụng các biện pháp luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Đối với lực lượng Công an phải trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng ngừa tội phạm theo hai hướng: Tham gia phòng ngừa xã hội (phòng ngừa chung) và trực tiếp tiến hành toàn diện hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra tội phạm.

Viện kiểm sát: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

Ngoài ra thì còn các cơ quan khác như Thanh tra, kiểm lâm, kiểm sát biển… cũng góp phần tích cức trong việc loại bỏ các yếu tố có thể trở thành nguyên nhân điều kiện làm phát dinh , phát triển tội phạm.

Toà án các cấp: Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính Phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

Bộ Tư pháp trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sỏ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

Câu 5. Nêu căn cứ và ý nghĩa của việc phân loại và dạng người phạm tội

Gợi ý đáp án:

*** Căn cứ:**

– Theo căn cứ xã hội học, việc phân loại dạng người phạm tội căn cứ vào: giới tính, lứa tuổi, trình độ văn hóa, mức độ bảo đảm về vật chất, địa vị xã hội, có gia đình, nguồn gốc xuất xứ xã hội, nghề nghiệp, loại công việc, có chuyên môn nơi sống:

+ Phân loại theo giới tính: chia người phạm tội ra làm 2 loại: nam giới và nữ giới.

+ Lứa tuổi: 2 loại người chưa thành niên và người đã thành niên

+ Địa vị xã hội: 5 nhóm: nông dân; công chức viên chức; học sinh, sinh viên; quân nhân; người về hưu, mất sức

– Theo căn cứ pháp lý: tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm được thực hiện, thực hiện tội phạm lần đầu hay nhiều lần. đơn lẻ hay theo nhóm, độ dài của hoạt động phạm tội, khách thể bị xâm hại, hình thức lỗi.

*** Ý nghĩa:** Nhằm áp dụng biện pháp phòng ngừa thích hợp thì phải phân loại người phạm tội theo từng loại có những đặc điểm chung giống nhau.

Câu 6. Nhân thân người phạm tội và nhân thân nạn nhân của tội phạm có mối liên hệ nào không? Vì sao?

Gợi ý đáp án:

Nhân thân người phạm tội là những đặc điểm dấu hiệu đặc trưng nhất phản ánh bản chất của người phạm tội, những đặc điểm dấu hiệu này tác động với những tình huống và hoàn cảnh khách quan khác đã tạo ra xử sự phạm tội của người đó.

Nhân thân của nạn nhân là những đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng nhất phản ánh bản chất của nạn nhân của tội phạm, những đặc điểm dấu hiệu này cũng phần nào ảnh hưởng đến việc xảy ra hành vi tội phạm. Ví dụ: người bị hạn chế về mặt thể chất (như trẻ em, người già…), người có ưu thế về mặt xã hội (như ông, bà, cha, mẹ, thầy cô, người thi hành công vụ…), người có hạn chế về mặt xã hội (tù binh, hàng binh…).

Nhân thân người phạm tội và nhân thân nạn nhân có mối liên hệ biện chứng tùy theo đối tượng tác động.

Tùy từng trường hợp thì nhân thân nạn nhân là nguyên nhân điều kiện thúc đẩy tội phạm cũng có trường hợp thì nhân thân nạn nhân không có liên quan gì đến nhân thân người phạm tội.

Ví dụ như ờ tội khủng bố, bọn phạm tội đã đặt bom ở nhà ga, noi tập trung nhiều người qua lại làm chết, bị thương rất nhiều hành khách cũng như huỷ hoại tài sản của những người đó. Trường hợp này, nhiều người đã ngẫu nhiên trờ thành nạn nhân của tội phạm, người phạm tội không quan tâm đến nạn nhân là ai, sẵn sàng giết chết hoặc làm bị thương thường dân bất kì để đạt được mục đích chính trị của mình.

Câu 7. Khái niệm phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp khác nhau của nhà nước, xã hội nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát nó trong xã hội.

Đặc điểm:

– Thứ nhất, phòng ngừa tội phạm không chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan, tổ chức và cũng không phải của một ngành khoa học nào trong lĩnh vực tư pháp hình sự, mà nó chính là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, mà trong đó ngành khoa học về tội phạm học phải có nhiệm vụ thực hiện chức năng phòng ngừa tội phạm

– Thứ hai, phòng ngừa tội phạm chính là mục tiêu cuối cùng và là chức năng quan trọng nhất [35], vì chỉ khi làm tốt các chức năng mô tả, giải thích và dự báo thì mới có thể tìm ra được những biện pháp tác động vào quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển của tội phạm, đồng thời khắc phục được các nguyên nhân và điều kiện phạm tội cũng như những tồn tại trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– Thứ ba, cũng trên cơ sở những chức năng đã nêu mới có thông tin đầy đủ để xây dựng kế hoạch phòng ngừa, nhận diện những diễn biến tội phạm và tình hình tội phạm trong tương lai, khả năng xuất hiện, thay đổi của tội phạm cũ và tội phạm mới, diễn biến và quy luật của quá trình tội phạm hóa – phi tội phạm hóa, hình sự hóa – phi hình sự hóa, cũng như những biến đổi của đời sống xã hội khác.

– Thứ tư, phòng ngừa tội phạm bao gồm tổng thể các biện pháp phòng ngừa: chính trị – tư tưởng, kinh tế – xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật, quản lý Nhà nước…

– Thứ năm, phòng ngừa tội phạm, suy cho cùng, chính là đưa ra những giải pháp mang tính chủ động hơn, tích cực hơn và có hiệu quả hơn trong công tác đấu

tranh phòng và chống tội phạm, hỗ trợ cho các ngành luật khác trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

– Thứ sáu, Nhà nước, các tổ chức, cơ quan và mỗi công dân trong xã hội không phải chịu những hậu quả (thiệt hại) mà tội phạm gây ra, cũng như Nhà nước và xã hội không phải mất đi những chi phí không cần thiết để giải quyết và khắc phục các hậu quả này.

– Thứ bảy, trong xã hội không có bất kỳ thành viên nào phải bị điều tra, truy tố và xét xử. Nói một cách khác, không để bất kỳ công dân nào trong xã hội phải bị xử lý, bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt.

– Thứ tám, tiết kiệm một khoản rất lớn về chi phí, tiền của và sức lực cho Nhà nước, của xã hội trong việc điều tra, truy tố, xét xử, trong việc khắc phục hậu quả của tội phạm gây ra cho xã hội, trong công tác cải tạo, giáo dục và thi hành án đối với người phạm tội.

– Thứ chín, trong trường hợp nếu vẫn có tội phạm xảy ra trong xã hội thì bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội, giải quyết nhanh chóng, chính xác và đúng pháp luật đối với trách nhiệm hình sự và hình phạt của người phạm tội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và của công dân

Câu 8. Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp trong phòng ngừa tội phạm

Gợi ý đáp án:

Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành phòng ngừa tội phạm trên các phương diện sau:

– Chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, các văn bản pháp lý về phòng chống tội phạm, từng bước hoàn thiện pháp luật, làm cơ sở cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mỗi công dân làm tốt công tác phòng chống tội phạm:

– Thành lập các ban, các tiểu ban soạn thảo ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung.

– Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói riêng của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội.

– Hội đồng nhân dân địa phương ra các Nghị quyết về phòng chống tội phạm ở địa phương mình.

Câu 9. Khái niệm, đặc điểm của tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: tội phạm học là ngành khoa học pháp lý nghiên cứu về tội phạm với tư cách là một ngành khoa học xã hội, nghiên cứu về tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể, về nguyên nhân và điều kiện phạm tội và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội về nhân thân người phạm tội, cũng như đề ra các giải pháp phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Đặc điểm:

– Là ngành khoa học pháp lý nghiên cứu về tội phạm với tư cách là một ngành khoa học xã hội.

– Nghiên cứu về tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể.

– Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện phạm tội và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội về nhân thân người phạm tội.

– Đề ra các giải pháp phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Câu 10. Nạn nhân học nghiên cứu nạn nhân ở những mức độ nào?

Gợi ý đáp án:

Chúng ta nghiên cứu nạn nhân học với tư cách là một hướng trong tội phạm học (nạn nhân học tội phạm).

– Những đặc điểm xã hội, tâm lý- đạo đức của nạn nhân của tội phạm để làm sáng tỏ những phẩm chất đạo đức, ý trí, xúc cảm nào, những khuynh hướng xã hội.

– Những mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân để làm sáng tỏ trong chừng mực nào đó những mối quan hệ này có ý nghĩa đối với việc tạo ra tiền đề cho tội phạm, chúng có ảnh hưởng thế nào đến việc phát sinh hành vi phạm tội, hình thành động cơ hành động của người phạm tội.

– Những hoàn cảnh xuất hiện trước tội phạm, và thậm chí là những tình huống trực tiếp liên quan đến hành vi phạm tội nhằm trả lời cho câu hỏi, trong những hoàn cảnh như vậy, trong mối liên hệ với xử sự của người phạm tội, ý nghĩa tội phạm học của việc xuất hiện hành vi (hành động hay không hành động) của nạn nhân.

– Hành vi hậu tội phạm (sau khi xảy ra tội phạm) của nạn nhân trả lời cho câu hỏi rằng nạn nhân làm điều gfi để phục hồi quyền của mình, che dấu hay nhờ đến sự bảo vệ của các cơ quan bảo vệ pháp luật và tòa án, cản trở theo thúc đẩy cho việc phục hồi công lý.

– Hệ thống những biện pháp có tính chất phòng ngừa để bảo vệ nạn nhân tiềm ẩn cũng như nạn nhân hiện thời.

– Cách thức khả năng phương pháp bồi thường những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, mà trước tiên là phục hồi về thể chất cho nạn nhân.

Câu 11. Phân tích động cơ phạm tội trong cơ chế hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Trong tâm lý học có rất nhiều quan niệm khác nhau về động cơ hoạt động của con người, theo thầy Hải, Động cơ được hiểu là sự thúc đẩy bên trong dẫn đến hành vi này hay hành kia khác. Nó thường được coi là nguyên nhân trực tiếp của tội phạm. Nghiên cứu động cơ sẽ trả lời được câu hỏi vì sao con người lại có những xử sự khác nhau. Các tội phạm cố ý luôn có động cơ.

Nhu cầu của chủ thể đóng vai trò chính trọng việc hình thành động cơ của hành vi phạm tội, nó phản ánh sự phụ thuộc của người đó vào thế giới bên ngoài.

(Các nhóm nhu cầu gồm: vật chất, an ninh, tình dục, giao tiếp xã hội, kiến thức và thế giới quan).

Bản thân động cơ là sự thúc đẩy bên trong không phải là tội phạm. Tiền đề của nó là những nhu cầu, xúc cảm sở thích những định hướng về giá trị. Nhu cầu xúc cảm sở thích hay những định hướng về giá trị là những thành phần bên trong của nhân thân mà dưới tác động của chúng sẽ tạo nên động cơ của tội phạm. Tuy nhiên còn những nhân tố bên ngoài, những tình huống đời sống cụ thể có vai trò nhất định trong cơ chế của hành vi phạm tội.

Trong trường hợp cố ý phạm tội thì bao giờ hành vi của người phạm tội cũng được thúc đẩy bởi động cơ phạm tội, chỉ những trường hợp phạm tội do vô ý, cẩu thả quá tự tin mới không có động cơ phạm tội thúc đẩy.

– Hành vi phạm tội ở đây được hiểu là mặt khách quan và chủ quan thỏa mãn các dấu hiệu cấu thành tội phạm. Như vậy, động cơ phạm tội thuộc mặt chủ quan của hành vi, thúc đẩy hoạt động phạm tội đạt mục đích.

Câu 12. Từ vị trí công tác hoặc nơi sinh sống của mình, anh (chị) hãy phân tích 1 biện pháp phòng ngừa tội phạm đã được áp dụng hiệu quả (sử dụng kiến thức tội phạm học đã được trang bị)

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Phòng ngừa tội phạm là việc sử dụng hệ thống các biện pháp mang tính xã hội và nhà nước nhằm khắc phục những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, hạn chế và loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Biện pháp phòng ngừa: phát động quần chúng xây dựng phong trào toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp ngăn ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường và xã hội. Củng cố các tổ dân phố, lực lượng bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách, các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở phường, xã tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Khi phát hiện tội phạm, tố giác với cơ quan có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý hành vi phạm tội góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống.

Câu 13. Nội dung những dấu hiệu định lượng của tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Các dấu hiệu định lượng của tình hình tội phạm được xác định bởi thực trạng và động thái. Thực trạng của tình hình tội phạm được tính bởi các chỉ số tuyệt đối (mức độ) và chỉ số tương đối (hệ số).

Mức độ của tình hình tội phạm bao gồm những số liệu về tội phạm và những chủ thể thực hiện những tội phạm đó trên một lãnh thổ xác định và một trong một khoảng thời gian nhất định.

Số liệu chung về những tội phạm đã được ghi nhận và số liệu chung về chủ thể thực hiện chung, được phản ánh ở chỉ số tuyệt đối.

Theo nghĩa rộng thì thực trạng của tình hình tội phạm không thể khách quan đánh giá bên ngoài động thái, cường độ tăng giảm thực tế của tình hình tội phạm, nhóm tội phạm hay loại tội phạm cụ thể.

Động thái của tình hình tội phạm phản ánh sự thay đổi của tình hình tội phạm theo thời gian, theo thời gian thì thực trạng của tình hình tội phạm cũng như cấu trúc sẽ thay đổi. Khoảng cách thời gian thường là một năm. Tuy nhiên sự thay đổi của tình hình tội phạm có thể theo dõi 05 năm. Việc lựa chọn khoảng cách phụ thuộc vào mục đích và tính chất của từng nghiên cứu.

Động thái của tình hình tội phạm phản ánh trong số liệu tuyệt đối của những tội phạm đã được ghi nhận, số liệu chủ thể tội phạm đã được làm rõ.. thông thường được hình thành dưới dạng thống kê theo năm hoặc theo từng giai đoạn.

Câu 14. Những đặc điểm sinh học và xã hội của nhân thân người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

*** Nhóm đặc điểm sinh học**

Nhóm đặc điểm sinh học bao gồm giới tính, tuổi và một số đặc điểm thể chất khác:

– Xác định giới tính người phạm tội cho chúng ta thấy tính chất, mức độ, đặc điểm tội phạm theo từng giới.

(Tham khảo: Theo số liệu thống kê hình sự ở nước ta cũng như ở các nước khác trên thế nữ giới phạm tội ít hơn nam giới. Ở Việt Nam từ năm 2001 đến năm 2005, theo thống kê thì số bị cáo là nữ bị xét xử sơ thẩm chỉ chiếm tỉ lệ 8, 8% trong tổng số người bị đưa ra xét xừ. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, tỉ lệ này có xu hướng tăng lên và các tội phạm do nữ giới thực hiện ngày càng đa dạng hơn).

– Xác định độ tuổi của người phạm tội cho chúng ta thấy tính chất, mức độ, đặc điểm tội phạm của từng lứa tuổi, ảnh hưởng của lứa tuổi đến việc thực hiện tội phạm. Qua đó rút ra kết luận về tính tích cực mang tính tiềm ẩn tội phạm và những đặc trưng của hành vi phạm tội đại diện cho những nhóm người ở các lứa tuổi khác nhau.

(Tham khảo: Những người ở lứa tuổi thanh thiếu niên thường phạm những tội hung hãn, thù hằn, bộc phát thì ở lứa tuổi trung niên có sự điềm đạm cân nhắc nhiều thủ đoạn hơn. Tóm lại lứa tuổi xác định nhu cầu, mục đích sống của con người, những lĩnh vực quan tâm và yêu thích, lối sống....Phần lớn người chưa thành niên thường thực hiện các tội phạm xâm phạm sở hữu, điển hình là trộm cắp cướp giật tài sản, tội phạm về ma túy, các tội xâm phạm trật tự công cộng.

Nhóm 18 – 30 tuổi thực hiện phần lớn các tội phạm có sử dụng bạo lực (giết người, cướp tài sản, hiếp dâm).

Nhóm 30 – 45 tuổi và từ 45 trở lên đặc trưng bởi các tội phạm về kinh tế, chức vụ, xâm phạm an ninh quốc gia).

Yếu tố lứa tuổi của người phạm tội ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm cũng xuất phát từ các đặc điểm thể chất, tâm lý, xã hội của mỗi lứa tuổi khác nhau. Trong đó, vai trò vị trí xã hội của mỗi độ tuổi luôn ảnh hưởng quyết định đến việc lựa chọn phương thức thủ đoạn thực hiện tội phạm

*** Nhóm đặc điểm xã hội**

Vị trí tính chất xã hội của công việc cho phép kết luận những nhóm và giai tầng xã hội nào, những lĩnh vực hoạt động nào của đời sống xã hội phổ biến nhất về loại tội phạm này hay loại tội phạm kia.

– Nghề nghiệp

Khi nghiên cứu về nghề nghiệp, tội phạm học nhận thấy những người không có việc làm ổn định thường có tỷ lệ phạm tội cao hơn so với người có việc làm ổn

định. tội phạm cũng có sự liên quan chặt chẽ đến ngành nghề mà người phạm tội đang đảm nhiệm (Ngành hải quan thì phổ biến tội phạm buôn lậu, hối lộ; ngành kiểm lâm thì phổ biến tội phạm phá rừng…)

– Hoàn cảnh gia đình

Khi nghiên cứu về hoàn cảnh gia đình, tội phạm học nhận thấy tội phạm có mối liên hệ đến những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, những gia đình có hoàn cảnh hôn nhân bất hạnh hay điều kiện quản lý buông lỏng

Gia đình đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người, tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển nhân cách.

– Nơi cư trú

Khi nghiên cứu về nơi cư trú, tội phạm học nhận thấy tình hình tội phạm thường tập trung ở những thành phố lớn, những địa bàn có tốc độ phát triển kinh tế xã hội, tốc độ đô thị hóa, tốc độ dịch chuyển cơ cấu xã hội ở mức cao. Đặc biệt tội phạm cũng thường phát sinh ở những địa bàn có sự giáp ranh về địa giới hành chính, có sự khó khăn trong việc quan hệ xã hội, quan hệ con người. Ví dụ Tam giác Hà nội – Quảng ninh – Hải phòng, Thành phố Hồ Chí Minh,

Câu 15. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm trong tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm có những ý nghĩa như sau:

– Giúp ngăn ngừa rủi ro và hạn chế các nguyên nhân thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm sẽ giúp cho việc tìm hiểu, đánh giá các nguyên nhân từ phía nạn nhân làm phát sinh hành vi phạm tội.

Trong các tội phạm có nạn nhân, nạn nhân luôn giữ vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Trước hết, những hành vi, xử sự có lỗi của nạn nhân như hành vi mất cảnh giác, hành vi vi phạm đạo đức, thuần phong, mĩ tục… hành vi gây gổ, vi phạm pháp luật hay hành vi phạm tội là những yếu tố tác động làm phát sinh hành vi phạm tội. Ngay cả những trường hợp nạn nhân hoàn toàn không có lỗi nhưng vì nạn nhân ở trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định nên dễ trở thành nạn nhân của tội phạm.

– Nghiên cứu nạn nhân giúp cho việc xây dựng và thực hiện tốt các chính sách hình sự, chính sách xã hội. Trước hết, nghiên cứu nạn nhân của tội phạm giúp cho việc hoàn thiện các văn bản pháp luật cũng như các chính sách hình sự, chính sách xã hội để tăng cường bảo vệ cũng như trợ giúp nạn nhân của tội phạm và gia đình họ.

– Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm cho phép xác định phạm vi chính xác những người được coi là nạn nhân của tội phạm, từ đó có chính sách để phân loại nạn nhân làm căn cứ xây dựng các chính sách bồi thường và trợ giúp nạn nhân phù hợp. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm giúp cho việc xác định chính xác các loại thiệt hại mà nạn nhân phải gánh chịu. Từ đó có thể xây dựng được những định mức phù hợp làm căn cứ định hướng cho việc bồi thường và trợ giúp cho nạn nhân của tội phạm.

Câu 16. Khái niệm tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội là các chương trình và các biện pháp hòa nhập xã hội được thiết kế đặc biệt nhằm giúp người phạm tội được tha từ một cơ sở giam giữ và để giúp họ đối mặt với những thách thức liên quan đến việc trở về cộng đồng.

Có 02 loại chương trình:

– Các chương trình hỗ trợ ngay trong các cơ sở giam giữ, trước khi phóng thích của người phạm tội, nhằm giúp người phạm tội giải quyết các vấn đề, xử lý các yếu tố nguy cơ liên quan đến hành vi phạm tội của họ, trang bị các kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt các chức năng xã hội của mình và chuẩn bị tái tham gia vào cộng đồng.

– Những chương trình dựa trên cộng đồng, thường được gọi là chương trình "hậu chăm sóc" nhằm tạo thuận lợi cho hòa nhập xã hội của người phạm tội sau khi thả họ từ các cơ sở giam giữ. Rất nhiều chương trình sau này bao gồm cả một số hình thức giám sát cũng như hỗ trợ tại động đồng.

Câu 17. Vai trò của những dấu hiệu định tính trong nghiên cứu tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

– Những dấu hiệu định tính chỉ ra cơ cấu và tính chất của hành vi. Cơ cấu tình hình tội phạm được đo bởi tỷ trọng riêng hoặc tỷ lệ của những nhóm và loại tội phạm khác nhau trong tương quan với chỉ số chung.

– Vai trò: nhằm đánh giá chính xác về tính chất, như là tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ nghiêm trọng, mức độ tái phạm…từ đó tìm ra biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Câu 18. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các yếu tố nguy cơ trong tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội.

Gợi ý đáp án:

Tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội là các chương trình và các biện pháp hòa nhập xã hội được thiết kế đặc biệt nhằm giúp người phạm tội được tha từ

một cơ sở giam giữ và để giúp họ đối mặt với những thách thức liên quan đến việc trở về cộng đồng.

Nghiên cứu các yếu tố nguy cơ trong tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội giúp ta nhận thức được các yếu tố đưa họ đối mặt với nguy cơ và những khó khăn cản trở họ hoạt động bình thường trong xã hội. Đây là 1 vấn đề then chốt đối với sự hỗ trợ hiệu quả giúp cho người phạm tội tái hòa nhập xã hội.

Câu 19. Khái niệm cơ chế của hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Cơ chế của hành vi phạm tội được hiểu là sự tiến triển của hành vi mang tính kế tiếp nhất định: xuất hiện ý định phạm tội, ra quyết định thực hiện tội phạm, lập kế hoạch hành động và cuối cùng là thực hiện chúng bởi người phạm tội

Đặc điểm:

– Nó là sự tiến triển của hành vi mang tính kế tiếp nhau bao gồm việc xuất hiện ý định phạm tội -> ra qđ thực hiện tội phạm -> Lập kế hoạch hành động -> thực hiện kế hoạch đó.

– Các quá tình trên không phải lúc nào cũng có đầy đủ các khâu (động cơ, kế hoạch, thực hiện) mà có thể thiết một khâu nào đó, ví dụ tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác không có động cơ và mục đích. tội phạm vô ý không có động cơ và kế hoạch.

Câu 20. Ý nghĩa của các nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm là những quan điểm, phương châm xuyên suốt toàn bộ việc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm. Nó có ý nghĩa:

– Giúp cho các chủ thể thực hiện hoạt động phòng ngừa tội phạm tuân thủ tuyệt đối theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo mục đích phục vụ lợi ích xã hội, nhà nước và công dấn.

– Đảm bảo sự đoàn kết, kết hợp, phối hợp, phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong phòng ngừa tội phạm.

– Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm định hướng cho các hoạt động phòng ngừa của các chủ thể, tạo sự liên kết, phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng với nhau mới có thể mang lại hiệu quả cao, góp phần đẩy lùi tội phạm ra khỏi xã hội.

Câu 21. tội phạm học có những nhiệm vụ cụ thể sau:

Gợi ý đáp án:

Một là: Nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống về tình hình tội phạm xảy ra ở Việt Nam, xác định rõ những nguyên nhân, điều kiện có thể làm phát sinh, phát triển tình hình tội phạm.

Hai là: Xây dựng những luận cứ khoa học vững chắc, phù hợp với thực tiễn, làm cơ sở cho việc đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những biện pháp công tác lớn của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Ba là: Nghiên cứu, sử dụng những thành tựu của các ngành khoa học khác, ứng dụng những phát minh, sáng kiến cải tiến (nhất là thành tựu của khoa học – công nghệ) vào thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Bốn là: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về tội phạm học, đưa khoa học tội phạm học ở Việt Nam trở thành một ngành khoa học độc lập, phong phú gắn kết chặt chẽ với các ngành khoa học khác có liên quan. tội phạm học của Việt Nam cần có sự trao đổi, hợp tác chặt chẽ, đặt trong mối quan hệ mật thiết với tội phạm học của các nước trên thế giới.

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng nhiệm vụ của tội phạm học chính là những công việc phải tiến hành trong hoạt động nghiên cứu khoa học tội phạm học nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống lý luận, tác động trực tiếp có hiệu quả đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ở nước ta hiện qua các thời kỳ.

Câu 22: Phân tích thuộc tính cá nhân của nạn nhân.

Gợi ý đáp án:

Thuộc tính của nạn nhân là một hiện tượng xã hội, là trạng thái quy định tính dễ bị xâm hại của cá nhân con người, phản ánh bản chất khách quan con người (nhưng không tránh khỏi) khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm.

Tính dễ bị xâm hại thuộc về nhân thân có cơ cấu phức tạp – những phẩm chất khách quan và chủ quan – Tạo điều kiện cho những tình huống cụ thể và chuyển hóa thành tiền đề cho việc gây ra thiệt hại. Rõ ràng là với những phẩm chất nhân thân nhất định sẽ xác định những xử sự, vị trí xã hội đặc trưng hoặc chức vụ sẽ tạo tiền đề cho xác xuất lớn hơn gây ra thiệt hại về thể chất, vật chất hay tinh thần cho người đó. Ví dụ: phụ nữ, trẻ em, người già thường bị những tội phạm có tính vũ lực xâm hại hơn vì sức lực của họ thường yếu hơn những kẻ phạm tội. Tính dễ bị xâm hại của một người tăng cao có thể xuất phát từ việc thực hiện vai trò xã hội nhất định – Trách nhiệm xã hội, nghề nghiệp của người đó.

Câu 23. Mối liên hệ của tội phạm học với xã hội học và tâm lý học?

Gợi ý đáp án:

Tội phạm học là khoa học liên ngành thực nghiệm nghiên cứu về tội phạm (hiện thực), nguyên nhân của tội phạm và kiểm soát tội phạm.

Xã hội học tội phạm học là lĩnh vực chuyên ngành nghiên cứu những nguyên nhân về xa hội và phản ứng xã hội trước tội phạm.

* Điểm giống nhau:

– Hiện tượng tội phạm và tình hình tội phạm:

+ Quá trình phát sinh và phát triển của tội phạm

+ Các nguyên nhân, điều kiện và biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm.

– Phương pháp nghiên cứu:

+ Sử dụng điều tra xã hội học để nghiên cứu và phân tích hiện tượng tội phạm.

– Vai trò:

+ Gợi ý, tư vấn cho nhà nước hoạch định, xây dựng chính sách pháp luật hình sự và khung hình phạt phù hợp.

* Điểm khác nhau:

– Tội phạm học:

+ Khoa học hợp nhất liên ngành nghiên cứu và tổng hợp những kiến thức sinh học tội phạm, tòa án, tâm lý học tội phạm để phân tích đặc điểm – cấu trúc – bản chất – quy luật của tội phạm.

+ Nhấn mạnh khía cạnh pháp lý của hiện tượng tội phạm dựa trên những căn cứ, dấu hiệu pháp lý hình sự

+ Nghiên cứu thân nhân người phạm tội trong sự phát sinh ở môi trường gần và trực tiếp.

+ Nói chung những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm cụ thể.

– Xã hội học:

+ Chú trọng khía cạnh xã hội của tình hình tội phạm gắn liền với việc sử dụng các nội dung của xã hội học.

+ Phân tích các nhóm xã hội, cộng đồng xã hội theo cơ cấu xã hội, ảnh hưởng của chúng tới xã hội.

+ Phân tích nguyên nhân từ chế độ xã hội, thiết chế xã hội và các chính sách xã hội.

+ Có sự chuyên sâu hơn về đánh giá tác động xã hội, chuẩn mực và sự ai lệch cũng như dư luận – quan niệm xã hội về vấn đề tội phạm.

Câu 24. Phân tích vai trò của tình huống trong nạn nhân học.

Gợi ý đáp án:

Trong hệ thống khái niệm của nạn nhân học thì khái niệm những tình huống tội phạm học và những tình huống nạn nhân học chiếm vị trí quan trọng. Qua phân tích và xem xét những bộ phận cấu thành của những tình huống này giúp nhận thức được vai trò của người bị hại trong cơ chế của hành vi phạm tội.

Khi xác định được:

– Tình huống hình thành nhân thân bao gồm: hệ thống các yếu tố, điều kiện, hoàn cảnh có ảnh hưởng đến người phạm tội, tác động đến sự hình thành đinh hướng nhân thân và phương hướng nguy hiểm cho xã hội.

– Tình huống tiền tội phạm là tổng thể những hoàn cảnh trực tiếp trước tội phạm và liên quan đến những đặc điểm nhân thân của chủ thể thực hiện tội phạm.

Sẽ xác định được nguyên nhân, điều kiện phạm tội.

(Tham khảo: Những tình huống nạn nhân học liên quan đến xử sự của người phạm tội chia thành các loại như sau:

– Những tình huống có tính chất thúc đẩy, khiêu khích một cách khách quan, đẩy người phạm tội thực hiện tội phạm. Trong trường hợp hiện thực hóa thì chúng đóng vai trò là cái cớ để thực hiện tội phạm. Trong những trường hợp này xử sự của nạn nhân được kết thúc bởi sự tấn công, đe dọa, làm tổn thương, gây tức giận, lăng nhục…

– Những tình huống có tính chất thúc đẩy, trong đó xử sự của nạn nhân mang tính tích cực. Ví dụ: nạn nhân không có hành động khiêu khích nhưng vẫn bị đe dọa sử dụng vũ lực từ người phạm tội.

– Những tình huống mà xử sự của nạn nhân tạo điều kiện khách quan cho việc thực hiện tội phạm, mặc dù không tạo ra sự thúc đẩy.

– Hoàn cảnh biệt lập, theo đó thì hành vi của nạn nhân gây ra thiệt hại cho chính mình mà không có sự can thiệp trực tiếp của người khác. Ví dụ: tự làm mình bị thương để trốn tránh nghĩa vụ quân sự,…

– Những hoàn cảnh mà xử sự của nạn nhân hoàn toàn trung hòa theo quan điểm là tác động lên xử sự của người phạm tội và gây ra hậu quả. Ví dụ: Khuyên can đánh nhau nhưng lại chịu hậu quả là bị hành hung.)

Câu 25. Nội dung những dấu hiệu định tính của tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

– Những dấu hiệu định tính chỉ ra cơ cấu và tính chất của hành vi.

– Cơ cấu của tình hình tội phạm được đo bởi:

+ Số liệu về mối tương quan giữa tội phạm nghiêm trọng và tội phạm ít nghiêm trọng.

+ Số liệu về mối tương quan giữa tội phạm nghiêm trọng hơn và tội phạm phổ biến hơn hoặc tội phạm phổ biến hơn được xác định trong trong từng thời gian nhất định và từng giai đoạn nhất định.

+ Số liệu mối tương quan giữa tội phạm được thực hiện do cố ý và tội phạm thực hiện do vô ý.

+ Số liệu giữa tội phạm được thực hiện bởi người chưa thành niên với tổng số người thực hiện nói chung.

+ Số liệu về những tội phạm thực hiện dưới hình thức đồng phạm với hình thức đơn lẻ.

+ Số liệu về những người tái phạm với những người phạm tội khác.

– Tính chất của tình hình tội phạm được phản ánh trong những đánh giá về chất như tính nguy hiểm cho xã hội, mực độ nghiêm trọng, mức độ tái phạm.

Vai trò của những dấu hiệu định tính trong nghiên cứu tình hình tội phạm:

– Những dấu hiệu định tính chỉ ra cơ cấu và tính chất của hành vi.

– Vai trò: nhằm đánh giá chính xác về tính chất, mực độ nghiêm trọng cảu tình hình tội phạm , từ đó tìm ra biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Câu 26. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm trong công tác phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm có những ý nghĩa như sau:

– Giúp ngăn ngừa rủi ro và hạn chế các nguyên nhân thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm sẽ giúp cho việc

tìm hiểu, đánh giá các nguyên nhân từ phía nạn nhân làm phát sinh hành vi phạm tội. Từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, hạn chế, loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát tội phạm trong xã hội.

– Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm cho phép xác định phạm vi chính xác những người được coi là nạn nhân của tội phạm, từ đó có chính sách để phân loại nạn nhân và đưa ra biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Câu 27. Những đặc điểm cơ bản của nhân thân người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, những dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nhất bản chất xã hội của con người thực hiện hành vi phạm tội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cũng là biện pháp để bảo vệ quyền con người trong đó có người phạm tội. Nghiên cứu nhân thân người phạm tội là nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm, nguyên nhân của tình hình tội phạm thuộc yếu tố về chủ thể người thực hiện hành vi phạm tội; nhân tố liên quan tới việc hình thành và thúc đẩy các phẩm chất tiêu cực của con người.

*** Nhóm đặc điểm sinh học**

– Dấu hiệu về giới tính: Thực tế cho thấy số lượng giữa nam giới và nữ giới phạm tội có khác nhau, nam giới thường phạm tội nhiều hơn so với nữ giới. Nghiên cứu các đặc điểm giới tính của người phạm tội là nam giới đã chỉ ra, nam giới dễ bị ảnh hưởng bởi các thói hư tật xấu, dễ bị tiêm nhiễm tệ nạn xã hội và dễ hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực, trạng thái tâm lý tiêu cực hơn so với nữ giới.

– Dấu hiệu về độ tuổi: Độ tuổi ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong đặc điểm nhân thân người phạm tội. Dấu hiệu về độ tuổi

của người phạm tội cho phép nói lên các đặc điểm xử sự trái xã hội của những người ở những độ tuổi khác nhau.

*** Nhóm đặc điểm về xã hội:**

– Dấu hiệu về nơi cư trú: Bản chất nơi cư trú đã chứa đựng các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa đặc thù. Ở các địa phương cũng vậy, tỷ lệ tội phạm cao thường diễn ra ở những vùng có kinh tế phát triển, có nhiều nơi vui chơi, giải trí. Trong những năm gần đây, tội phạm ở nông thôn cũng không ngừng gia tăng cả về số hành vi phạm tội, số bị cáo và số vụ án. Tính chất các vụ án ngày càng phức tạp hơn, nguy hiểm hơn, các vụ án có đồng phạm cũng gia tăng không ngừng.

– Dấu hiệu về trình độ học vấn: Trình độ học vấn cũng phản ánh sự phát triển lý trí và hình thành nhân cách, tạo cho con người còn có thể lựa chọn được cách ứng xử đúng với các chuẩn mực xã hội. Vì vậy, trình độ văn hóa của con người có ảnh hưởng đến hành vi phạm tội. Như vậy, rõ ràng trình độ văn hóa và hành vi phạm tội của chủ thể có mối quan hệ với nhau.

– Dấu hiệu về nghề nghiệp: Nghề nghiệp của người phạm tội có vị trí quan trọng khi phân tích đặc điểm nhân thân của người phạm tội. Đa số những người phạm tội là những người không có nghề nghiệp ổn định, không có địa vị trong xã hội; thuộc thành phần lười lao động, lười học tập, sống dựa dẫm vào người khác, mong muốn giàu có nhưng không có thực lực.

Tỉ lệ đối tượng phạm tội là người không có nghề nghiệp, nghề nghiệp không ổn định chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu tội phạm cho thấy, tình trạng thất nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trật tự địa phương.

– Dấu hiệu về hoàn cảnh gia đình: Hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những phẩm chất tâm lý tiêu cực của con người, dẫn đến họ sẽ có tính chống đối xã hội, và có những hành vi đi ngược với các chuẩn mực xã hội.

Chính yếu tố gia đình trong đa số trường hợp đã kích thích tính tích cực của mỗi thành viên, đồng thời gia đình giữ vai trò kiểm sát, giám sát hành vi của những thành viên trong gia đình, hạn chế đến mức tối đa các hiện tượng tiêu cực phát sinh trong mỗi con người. Như vậy, tình trạng gia đình có ảnh hưởng đến những đặc điểm nhân thân của người phạm tội.

*** Nhóm đặc điểm tâm lí**

Mặt bên trong của nhân thân người phạm tội được thể hiện ở những quan điểm, quan niệm, thái độ đối với giá trị xã hội khác nhau như thái độ đối với nghĩa vụ công dân, đối với Tổ quốc, đối với lao động, đối với học tập, đối với tài sản, đối với gia đình, đổi với bạn bè, người thân, những người xung quanh và đối với chính bản thân. Gắn với mỗi loại hành vi phạm tội có thể có nhóm đặc điểm tâm lí nhất định. Nghiên cứu nhu cầu, sở thích và biện pháp đáp ứng nhu cầu của những người phạm tội cho thấy phần đông người phạm tội là do ngộ nhận, đề cao nhu cầu vật chất, có sở thích, thói quen xấu và cách thức đáp ứng nhu cầu bất hợp pháp kể cả việc phạm tội. Những người phạm tội thường có ý thức pháp luật kém, họ hoặc thiếu hiểu biết về pháp luật, có thái độ tiêu cực đối với các chuẩn mực pháp luật.

Câu 28. Có thể nói tình hình tội phạm là bước đầu tiên trong việc đề ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm không? Vì sao?

Gợi ý đáp án:

Tình hình tội phạm có xu hướng phức tạp và nghiêm trọng, phương thức thủ đoạn ngày càng tinh vi, liều lĩnh, vi phạm pháp luật còn xảy ra nhiều nếu không có biện pháp quyết liệt, để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, cần xác định rõ trách nhiệm từng cấp từng ngành gắn với trách nhiệm người đứng đầu; phân tích tình hình trong và ngoài nước; tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền đổi mới giáo dục pháp luật; thường xuyên

kiểm tra, khắc phục kịp thời sơ hở, bất cập, thiếu sót, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước về kinh tế xã hội, an ninh trật tự; chỉ đạo lực lượng chức năng đẩy mạnh trấn áp tội phạm, tăng cường các biện pháp phòng tránh tội phạm, vi phạm pháp luật…

Đánh giá tình hình tội phạm cần phải xem xét các thiệt hại về nhiều mặt mà nó đã gây ra cho đời sống xã hội, phòng ngừa tội phạm luôn phải được coi trọng và ưu tiên trong các chương trình và kế hoạch quốc gia cũng như từng địa phương. Hiểu rõ được tình hình tội phạm sẽ giúp đề ra được các giải pháp phòng ngừa thiết thực và có hiệu quả nhất.

Câu 29: Mối quan hệ giữa dấu hiệu định lượng và dấu hiệu định tính của tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Dấu hiệu định lượng của tình hình tội phạm được xác định bởi thực trạng và động thái.

Thực trạng được tính bảo chỉ số tuyệt đối *(mức độ)* và chỉ số tương đối *(hệ số) (xem sách một số vđ cơ bản về tội phạm học hiện đại trang 19 – 20).*

Động thái phản ánh sự thay đổi của tình hình tội phạm theo thời gian.

Dấu hiệu định tính chỉ ra cơ cấu và tính chất của hành vi.

Cơ cấu được đo bởi tỷ trọng riêng hoặc tỷ lệ của những nhóm và loại tội phạm khác nhau.

Tính chất của tình hình tội phạm được phản ánh trong những đánh giá về chất như tính nguy hiểm cho xã hội, mức độ nghiêm trọng, mức độ tái phạm,…

Dấu hiệu định lượng và dấu hiệu định tính của tình hình tội phạm có liên quan chặt chẽ với nhau, cùng hướng tới mở bức tranh thống nhất về tình hình tội phạm

bởi khi xem xét nhưng dấu hiệu định lượng của tình hình tội phạm chúng ta ở chừng mực nào đó có đề cập đến chỉ số định tính.

Câu 30: Tái hòa nhập xã hội có được coi là biện pháp phòng ngừa tội phạm không? Vì sao?

Gợi ý đáp án:

Có. Vì:

– Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp khác nhau của nhà nước, xã hội nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát nó trong xã hội.

– Tái hòa nhập thường được đề cập đến các biện pháp tái hòa nhập xã hội được thiết kế đặc biệt để giúp người phạm tội được tha từ 1 cơ sở giam giữ và để giúp họ đối mặt với thách thức liên quan đến việc trở về cộng đồng. Hỗ trợ này bao gồm cả việc giải quyết những nhu cầu của người chưa thành niên và kiểm soát rủi ro người phạm tội có thể gây cho cộng đồng với nỗ lực ngăn cản họ tham gia vào hành vi phạm tội (phòng ngừa) hoặc làm giảm khả năng tái phạm của họ (phục hồi) .

Cụ thể, chủ động trong tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được mãn hạn tù trở về. Công an xã, thị trấn nắm các thông tin như: lịch sử bản thân, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ xã hội, vấn đề lao động, việc làm của các đối tượng để có biện pháp giáo dục phù hợp. Trong thời gian các đối tượng chịu sự quản lý, giáo dục tại địa phương, công an và các ban, ngành, đoàn thể bằng tình thương và trách nhiệm đã thường xuyên gặp gỡ, giáo dục, động viên, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ để có kế hoạch giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ tiến bộ. Thông qua hoạt động của các tổ an ninh xã hội tại khu dân cư đã huy động sự chung tay của quần chúng nhân dân xây dựng nguồn qũy, giúp đỡ nhiều đối tượng trên địa bàn được vay vốn, tạo việc làm, ổn định cuộc sống và không tái phạm tội.

Trong đó công tác quản lý, giáo dục người được tha tù tái hòa nhập cộng đồng vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp quan trọng trong công tác phòng ngừa tội phạm, giúp đỡ người có quá khứ lầm lỗi vươn lên hòa nhập cộng đồng.

Câu 31: Ý nghĩa của việc nghiên cứu phòng ngừa tội phạm trong tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Phòng ngừa tội phạm là mục tiêu cuối cùng của tội phạm học. Phòng ngừa tội phạm là toàn bộ những hoạt động nhằm khắc phục, loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm và các biện pháp phát hiện, ngăn chặn, xử lý các tội phạm đã và đang xảy ra. Việc nghiên cứu phòng ngừa tội phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc tổng hợp các biện pháp khác nhau, bao gồm cả biện pháp nhà nước, xã hội với mục đích là khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát nó trong xã hội.

Câu 32: Ý nghĩa tái hòa nhập xã hội với người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Tái hòa nhập xã hội: thường được dùng để chỉ các biện pháp hội nhập xã hội được lập ra để giúp người phạm tội được tha từ một cơ sở như nhà tù, nơi tạm giam hay trường giáo dưỡng, giúp họ đối mặt với những thách thức liên quan tới việc trở về với cộng đồng. Sự hỗ trợ này bao gồm cả việc giải quyết những nhu cầu của người phạm tội và nắm bắt được sự nguy hiểm mà họ có thể gây ra cho cộng đồng.

Ý nghĩa: Tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội là vấn đề mang ý nghĩa chính trị, xã hội, pháp lý, nhân đạo sâu sắc.

– Tại thời điểm được tha từ một cơ sở giáo dục, người phạm tội thường gặp phải những thách thức mà họ không được trang bị tốt để có thể tự đối mặt, những chương trình giáo dục đặc biệt có ý nghĩa quan trọng để chuẩn bị cho người phạm tội hòa nhập với cộng đồng.

– Đồng thời tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội còn ngăn cản họ tham gia vào hành vi phạm tội (phòng ngừa) hoặc làm giảm khả năng tái phạm của họ (phục hồi).

Câu số 33. Khái niệm, đặc điểm nạn nhân của tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại gây ra những thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc các quyền lợi ích hợp pháp khác.

Đặc điểm:

– Nạn nhân có thể là những thể nhân hay pháp nhân hay toàn xã hội, nhà nước và cả trật tự quốc tế.

– Nạn nhân là thể nhân trực tiếp chịu sự xâm hại của tội phạm về thể chất, tinh thần hay vật chất.

Câu số 34. Phân loại các biện pháp phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp khác nhau của nhà nước, xã hội nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát nó trong xã hội.

*** Phân loại theo nội dung (lĩnh vực đời sống xã hội)**

Theo căn cứ này được chia thành:

– Biện pháp kinh tế;

– Biện pháp chính trị – Tư tưởng,;

– Biện pháp xã hội – văn hóa – giáo dục;

– Biện pháp tổ chức – quản lý;

– Biện pháp pháp luật…

*** Phân loại theo phạm vi tác động (lãnh thổ và đối tượng)**

– Các biện pháp mang tính quốc gia;

– Các biện pháp áp dụng đối với một số loại đối tượng hoặc một số địa bàn;

– Các biện pháp áp dụng đối với các đối tượng cá biệt.

*** Phân loại theo mục tiêu phòng ngừa (theo tính chất của tội phạm)**

– Phòng ngừa chung;

– Phòng ngừa một loại tội;

– Phòng ngừa tội phạm cụ thể.

*** Căn cứ vào tính chất và mục đích của hoạt động phòng ngừa**

– Phòng ngừa chung;

– Phòng ngừa riêng.

Câu số 35. Khái niệm tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Tình hình tội phạm được hiểu là một hiện tượng tiêu cực mang thuộc tính xã hội, thường xuyên thay đổi, có tính giai cấp và pháp luật hình sự, được phản ánh qua các thông số về tình hình, cơ cấu, diễn biến của toàn bộ các loại

hoặc của một loại tội phạm cùng các chủ thể thực hiện chúng đã xảy ra trong một khoảng thời gian và trong một phạm vi không gian nhất định.

Đặc điểm: Câu số 01

Câu số 36. Phương pháp phép ngoại suy trong dự báo tình hình tội phạm

Gợi ý đáp án:

Phép ngoại suy là sự phổ biến những kết luận thu nhận được khi nghiên cứu tình hình tội phạm cũng như những khuynh hướng của nó trong tương lai.

Do đó, tình hình tội phạm và những hiện tượng có liên hệ với nó chứa đựng những chỉ số động thái và cơ cấu, phản ánh trong những đại lượng tuyệt đối và tương đối.

Những kết luận của dự báo có thể khác về loại, nhóm tội phạm và những hoàn cảnh, nguyên nhân của chúng.

Câu số 37. Các phương pháp nghiên cứu của tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

*** Phương pháp thống kê hình sự**

Thống kê là một trong những công cụ quan trọng của việc nhận thức về xã hội, về quá trình, hiện tượng các mặt khác nhau của nó.

Thống kê có ý nghĩa rất to lớn đối với việc nghiên cứu tình hình tội phạm và các biện pháp đấu tranh phòng chống hiện tượng đó.

Các nghiên cứu thống kê được tiến hành qua ba giai đoạn cơ bản: Thu thập, tổng hợp và phân tích.

*** Phương pháp nghiên cứu tội phạm học chọn lọc**

Các điều tra chọn lọc cung cấp cho chúng ta thông tin bổ sung về những vấn đề của tội phạm học. Những thông tin không thể thu nhận được trong quá trình thống kê hình sự và lĩnh vực thống kê khác.

Nhiệm vụ của các nghiên cứu chọn lọc là thu thập được thông tin bổ sung cho thông tin đã có trong phương pháp thống kê

*** Phương pháp xã hội học**

Khi tiến hành các nghiên cứu tội phạm học, người ta thường sử dụng các phương pháp xã hội học như: Phiếu điều tra (trưng cầu ý kiến), phỏng vấn, quan sát, thực nghiệm, nghiên cứu các vụ án hình sự và các tài liệu khác, phương pháp đánh giá giám định.

Đặc điểm của việc thực hiện đòi hỏi về tính xác thực của thông tin bổ sung thu nhận được bằng các phương pháp xã hội học thể hiện ở chỗ là phần lớn của thông tin đó mang tính chất đánh giá, chủ quan khác với thông tin có trong các báo cáo thống kê – Tính toán các sự kiện khách quan (tội phạm và những vấn đề khác).

Câu 38: Ý nghĩa tội phạm học của việc làm sáng tỏ mối liên hệ giữa người phạm tội và nạn nhân?

Gợi ý đáp án:

– Xác định được nguyên nhân và điều kiện của tội phạm, qua đó đưa ra các chủ trương, chính sách, các biện pháp phòng ngừa phù hợp, giúp hạn chế hoặc loại bỏ những nguyên nhân và điều kiện đó, loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

– Xác định được cơ chế hành vi phạm tội để đưa ra biện pháp, chiến thuật và chiến lược trong phòng ngừa tội phạm.

Câu 39: Phân tích sự tác động của môi trường bên ngoài đến việc hình thành các đặc điểm của nhân thân người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

*** Nghề nghiệp**

Khi nghiên cứu về nghề nghiệp, tội phạm học nhận thấy những người không có việc làm ổn định thường có tỷ lệ phạm tội cao hơn so với người có việc làm ổn định. tội phạm cũng có sự liên quan chặt chẽ đến ngành nghề mà người phạm tội đang đảm nhiệm (Ngành hải quan thì phổ biến tội phạm buôn lậu, hối lộ; ngành kiểm lâm thì phổ biến tội phạm phá rừng…)

*** Hoàn cảnh gia đình**

Khi nghiên cứu về hoàn cảnh gia đình, tội phạm học nhận thấy tội phạm có mối liên hệ đến những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, những gia đình có hoàn cảnh hôn nhân bất hạnh hay điều kiện quản lý buông lỏng

Gia đình đóng vai trò quan trọng trong đời sống con người, tác động trực tiếp đến việc hình thành và phát triển nhân cách.

*** Nơi cư trú**

Khi nghiên cứu về nơi cư trú, tội phạm học nhận thấy tình hình tội phạm thường tập trung ở những thành phố lớn, những địa bàn có tốc độ phát triển kinh tế xã hội, tốc độ đô thị hóa, tốc độ dịch chuyển cơ cấu xã hội ở mức cao. Đặc biệt tội phạm cũng thường phát sinh ở những địa bàn có sự giáp ranh về địa giới hành chính, có sự Quảng Ninh – Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh,

Câu 40: Mối liên hệ của các cơ quan bảo vệ pháp luật và tòa án với các chủ thể khác trong phòng ngừa tội phạm được thể hiện như thế nào?

Gợi ý đáp án:

Điều 5 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định: Trong phạm vi trách nhiệm của mình, cơ quan nhà nước phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm, phối

hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cùng với đó, cơ quan nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; phát hiện kịp thời hành vi vi phạm pháp luật để xử lý và thông báo ngay cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát mọi hành vi phạm tội xảy ra trong cơ quan và trong lĩnh vực quản lý của mình; kiến nghị và gửi tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét, khởi tố đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Điều luật trên cũng quy định trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước về việc không thông báo hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về hành vi phạm tội xảy ra trong cơ quan và trong lĩnh vực quản lý của mình cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác, báo tin về tội phạm; tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện để cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ.

Cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong việc phát hiện và xử lý tội phạm. Khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển ngay các tài liệu, đồ vật có liên quan và kiến nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xem xét, khởi tố vụ án hình sự.

Điều luật cũng quy định rõ: Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện nhiệm vụ.

Câu 41: Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm trong tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Nguyên nhân của tội phạm là những hiện tượng của đời sống xã hội, phát sinh ra tội phạm, hỗ trợ nó tồn tại, thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của tội phạm.

Ý nghĩa:

– Việc nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm học là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm một cách khoa học và hiệu quả. Sau khi nghiên cứu về tình hình tội phạm, nhà nghiên cứu cần tiếp tục nghiên cứu vấn đề nguyên nhân của tội phạm, từ đó mới có thệ xây dựng được các biện pháp phòng ngừa tội phạm sát hợp với thực tế, có thể giải quyết tận gốc, triệt để nguyên nhân phát sinh tội phạm, ngăn chặn hiệu quả tội phạm xảy ra trong xã hội.

– Là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội một cách phù hợp giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội phạm.

– Nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm làm sáng tỏ các yếu tố nhân thân, môi trường, hoàn cảnh của người phạm tội, trả lời cho câu hỏi: với nhân thân người phạm tội như vậy, tại sao con người lại thực hiện tội phạm ở các điều kiện khác nhau hoặc nếu việc thực hiện tội phạm không phụ thuộc vào nhân thân mà phụ thuộc vào hoàn cảnh, môi trường thì tại sao con người lại có những cách xử sự khác nhau khi có cùng điều kiện về hoàn cảnh sống, môi trường sống?

Câu 42: Nạn nhân đóng vai trò như thế nào trong việc xác định tội phạm ẩn?

Gợi ý đáp án:

Tội phạm ẩn là tội phạm đã xảy ra trên thực tế nhưng chưa bị cơ quan chức năng phát hiện, xử lý và đưa vào thống kế tội phạm.

– Nạn nhân là 1 trong những yếu tố giúp làm sáng tỏ việc xác định tội phạm vì chính nạn nhân là người bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại gây ra những thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc các quyền, lợi ích hợp pháp khác.

– Nguyên nhân dẫn đến tội phạm ẩn khách quan chính là do sự nhận thức không đúng đắn của nạn nhân: không tố giác tội phạm do sợ bị trả thù, ngại tiếp xúc với cơ quan chính quyền, ngại phải tiếp xúc với những thủ tục rườm rà, tốn thời gian khi tố cáo, tự thấy mình có lỗi trong việc bị thiệt hại là do mình không cẩn thận đề phòng hay thấy giá trị bị thiệt hại không lớn có thể tự mình giải quyết được… và cũng có thể là có sự tham gia của nạn nhân trong hành vi phạm tội nên nạn nhân không muốn mình bị phát hiện… Những điều này làm cho các cơ quan chức năng không thể biết được có sự diễn ra của hành vi phạm tội, dẫn đến tội phạm ẩn.

– Ý thức của nạn nhân đóng vai trò quan trọng trong việc làm giảm tội phạm ẩn: khi nạn nhân có ý thức muốn làm sáng tỏ tội phạm họ bị gây thiệt hại, có ý thức pháp luật hơn thì tình hình tội phạm ẩn sẽ giảm.

Câu 43: Khái niệm nhân thân người phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, những dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nhất bản chất xã hội của con người thực hiện hành vi phạm tội. Hay nói cách khác, nhân thân người phạm tội là cái toàn bộ phản ánh đặc điểm của người phạm tội, cả về mặt thời gian và không gian.

Khái niệm 2 (theo sách): Nhân thân người phạm tội là tổng thể những thuộc tính tiêu cực mang tính xã hội, được hình thành và phát triển trong quá trình tác động qua lại một cách có hệ thống và đa dạng của những người khác nhau.

Các đặc điểm cơ bản:

** Đặc điểm về tự nhiên*

– Dấu hiệu về giới tính: Nghiên cứu các đặc điểm giới tính của người phạm tội là nam giới đã chỉ ra, nam giới dễ bị ảnh hưởng bởi các thói hư tật xấu, dễ bị tiêm nhiễm tệ nạn xã hội và dễ hình thành phẩm chất cá nhân tiêu cực, trạng thái tâm lý tiêu cực hơn so với nữ giới.

– Dấu hiệu về độ tuổi: Độ tuổi ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách trong đặc điểm nhân thân người phạm tội. Dấu hiệu về độ tuổi của người phạm tội cho phép nói lên các đặc điểm xử sự trái xã hội của những người ở những độ tuổi khác nhau, cũng như tính chất riêng biệt của cơ cấu về độ tuổi của các nhóm người phạm tội khác nhau.

– Dấu hiệu về nơi cư trú: Bản chất nơi cư trú đã chứa đựng các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa đặc thù, qua đó xác định nguyên nhân, điều kiện phạm tội.

** Đặc điểm xã hội*

– Dấu hiệu về trình độ học vấn: Trình độ học vấn cũng phản ánh sự phát triển lý trí và hình thành nhân cách, tạo cho con người còn có thể lựa chọn được cách ứng xử đúng với các chuẩn mực xã hội.

– Dấu hiệu về nghề nghiệp: nghề nghiệp phản ánh môi trường sống, sự phát triển nhân cách, thu nhập…của con người. Những dấu hiệu về nghề nghiệp phản ánh nhân thân con người, xác định được nguyên nhân con người lại có xử sự khác nhau dẫn đến hành vi phạm tội.

– Dấu hiệu về hoàn cảnh gia đình: Hoàn cảnh gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành những phẩm chất tâm lý tiêu cực của con người, dẫn đến họ sẽ có tính chống đối xã hội, và có những hành vi đi ngược với các chuẩn mực xã hội.

* *Đặc điểm hành vi phạm tội:* Khi xét về đặc điểm động cơ, mục đích của người phạm tội thể hiện trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi phạm tội, nó thuộc mặt chủ quan của tội phạm. Khi thực hiện một tội phạm bất kỳ, chủ thể luôn có những động cơ và mục đích nhất định, đó là động lực bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

Câu 44: Nội dung của các nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm là những quan điểm, phương châm xuyên suốt toàn bộ việc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm.

– Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa: Phòng ngừa tội phạm là hoạt động thực hiện nhiệm vụ chung của NN và xã hội cho nên ở mức độ nhất định mang tính quyền lực nhà nước, do đó việc tổ chức và hoạt động phòng ngừa tội phạm phải tuân theo Hiến pháp và Pháp luật. Nói cách khác là chỉ khi tuân theo đúng Hiến pháp và pháp luật thì phòng ngừa tội phạm mới bảo đảm mục đích của nó là phục vụ lợi ích xã hội, NN và công dân.

– Nguyên tắc dân chủ xã hội: Là đặc điểm nổi bật của bản chất xã hội Việt Nam, đòi hỏi sựu tham gia của toàn xã hội, huy động được sức mạn tổng hợp của xã hội (sáng kiến, đoàn kết, kết hợp, phối hợp,…)

– Nguyên tắc nhân đạo: Bản thân phòng ngừa tội phạm là hoạt động mang tính nhân đạo (bảo về xã hội, bảo về con người: không để họ thực hiện tội phạm cũng như không để con người bị hoạt động tội phạm xâm hại). nguyên tắc này đòi

hỏi hoạt động phòng ngừa tội phạm không xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của xã hội, NN và công dân; hoạt động phòng ngừa tội phạm phải có hiệu quả (hiệu quả càng cao thì tính nhân đạo càng được đảm bảo).

– Nguyên tắc bảo đảm sự phối hợp đồng bộ hoạt động phòng ngừa tội phạm: Để thực hiện được nguyên tắc này đòi ỏi phải có chương trình, kế hoạch, chiến lược xây dựng một cách khoa học. quá trình áp dụng phải đồng bộ, có sự chỉ đạo thống nhất, tập trung.

Câu 45: Mối liên hệ của tội phạm học với khoa học luật tố tụng hình sự?

Gợi ý đáp án:

– Tội phạm học nghiên cứu hiệu quả hoạt động và xử lí vụ án của các cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định của luật tố tụng hình sự thể hiện phản ứng của Nhà nước đối với tội phạm. Như vậy, tội phạm học không chỉ nghiên cứu "mặt xã hội" của luật hình sự mà cả của luật tổ tụng hình sự hay nói một cách khác là tội phạm học nghiên cứu "mặt xã hội" cửa luật hình sự về nội dung và của luật tố tụng hình sự về hình thức.

– Khi nghiên cứu các đối tượng của mình, tội phạm học không những phải dựa trên cơ sở các quy định của luật hình sự và luật tố tụng hình sự mà còn phải dựa trên cơ sở giải thích pháp luật của khoa học luật hình sự và khoa học luật tố tụng hình sự.

Ngược lại, những kết quả nghiên cứu thực nghiệm về các đối tượng nghiên cứu của tội phạm học cũng cung cấp những thông tin, những luận cử thực tiễn và xã hội cho khoa học luật hình sự và khoa học luật tố tụng hình sự để có thể khai thác, sử dụng trong nghiên cứu phục vụ cho việc hoàn thiện những quy định của luật hình sự và luật tố tụng hình sự nhằm…

Câu 46: Phân tích thuộc tính phổ biến của nạn nhân?

Gợi ý đáp án:

Khía cạnh nạn nhân của tội phạm là những yếu tố thuộc về nạn nhân của tội phạm, có vai trò trong cơ chế tâm lí xã hội của hành vi phạm tội, góp phần làm phát sinh một tội phạm cụ thể gây thiệt hại cho chính nạn nhân.

*** Hành vi nạn nhân:**

– Hành vi tích cực: là những hành vi chính đáng hợp pháp của nạn nhân gây thiệt hại cho chính nạn nhân: thi hành công vụ hợp pháp, tố giác tội phạm, ngăn cản, truy đuổi tội phạm.

– Hành vi tiêu cực: là những hành vi không chính đáng, bất hợp pháp, vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật tác động đến cá nhân người phạm tội hoặc những người thân thích của họ. Ví dụ: khiêu khích, tấn công trước, xúc phạm đến nhân thân, danh dự của người phạm tội.

– Hành vi cẩu thả: là những hành vi vô ý, chủ quan, quá tự tin, dễ dãi đối với sự an toàn về sức khỏe, tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của bản thân nạn nhân. Ví dụ: đi bộ dưới lòng đường, mất cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản, thiếu tập trung trong việc điều khiển phương tiện giao thông.

*** Các đặc điểm nhân thân của nạn nhân.**

Gồm các đặc điểm về sinh học, xã hội, tâm lí. Cụ thể như đặc điểm sinh học thì nạn nhân thường rơi vào nhóm người chưa thành niên, người già, phụ nữ,… Đặc điểm xã hội thì dấu hiệu nghề nghiệp, vị trí xã hội, hoàn cảnh kinh kế của nạn nhân như giết người vì lý do công vụ của nạn nhân, khủng bố, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản. Về tâm lí thì sự dễ dãi, cả tin trong quan hệ xã hội, hám lợi tạo điều kiện cho các tội như lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm.

– Mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội: Quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội thường có 2 dạng đặc trưng: quen biết và phụ thuộc.

– Quan hệ gia đình, huyết thống: Việt kiều gửi tiền về VN mua bất động sản -> đưa nhau gia tòa hay tình trạng xâm phạm tình dục trẻ em.

– Quan hệ lệ thuộc: về vật chất, hoặc tinh thần (về công tác, tôn giáo, tín ngưỡng)

– Quan hệ bạn bè quen biết, hàng xóm láng giềng.

Chú ý: Không phải tội phạm nào cũng có khía cạnh nạn nhận.

Ví dụ: Các tội phạm xâm phạm kinh tế, an ninh quốc gia không thấy khía cạnh nạn nhân. Các tội phạm trong an toàn giao thông, người đi đường lạc tay lái tông vô người đi đường đi đúng lề đường, hoặc các tội phạm khủng bố.

Câu 47: Phân tích sự tác động của kết quả của tội phạm đến nhân thân người phạm tội trong cơ chế của hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

– Kết quả của tội phạm là sự thế hiện ra ngoài thế giới quan và có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội.

– Tội phạm càng có tính chất nguy hiểm cho xã hội, tính quyết liệt trong hành vi càng cao thì nhân thân của tội phạm càng không tốt.

– Tội phạm mà hành vi nguy hiểm không đáng kể, hay tính quyết liệt cua hành vi không cao thì nhân thân sẽ tốt hơn

– Nhân thân ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình định khung, cũng như yếu tố tăn nặng hay giảm nhẹ hình phạt

– Nhân thân người phạm tội cũng có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong việc xác định hậu quả, cũng như tính chất của hành vi.

Câu 48: Bằng những kiến thức tội phạm được trang bị, hãy phân tích tầm quan trọng của việc xã hội hóa công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Một là, đã tạo bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức của các ngành, các cấp và toàn xã hội về trách nhiệm đấu tranh phòng chống tội phạm; tạo cơ chế phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, phát huy được vai trò làm chủ, tính sáng tạo, sự tự giác của quần chúng nhân dân, tích cực tham gia vào phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

(Tham khảo thêm: Thông qua thực hiện các nghị quyết liên tịch, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Người cao tuổi… chỉ đạo các cấp hội phát động nhiều phong trào gắn với công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, xây dựng các quy ước, cam kết thực hiện trong hội viên, đoàn viên, tham gia hòa giải các mâu thuẫn từ cơ sở. Phong trào cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư mà lực lượng CAND và đại diện các tổ chức chính trị luôn làm nòng cốt đã phát triển rộng khắp góp phần làm giảm tỷ lệ tái phạm tội. Nhiều đối tượng phạm tội được cảm hóa, giáo dục đã trở lại tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội).

Hai là, đã tạo được sự chuyển biến tích cực về trật tự an toàn xã hội, kiềm chế được sự gia tăng của tội phạm, tình hình tội phạm trên toàn quốc và ở các địa phương đã được kiềm chế và hằng năm được kéo giảm so với năm trước; bảo đảm tốt trật tự an toàn xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

(Tham khảo thêm: Mặc dù diễn biến của tình hình tội phạm vẫn còn phức tạp, cùng với sự phát triển của xã hội nhiều loại tội phạm mới nảy sinh, nhưng nhìn tổng thể thì tình hình tội phạm trong toàn quốc đã được kiềm chế và kéo giảm. Trong 12 năm thực hiện NQ09/CP, Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm số vụ phạm pháp hình sự đã giảm 20, 19%; năm sau giảm hơn năm trước. Nhiều nơi số vụ phạm pháp đã làm giảm đáng kể, như: tội phạm Hồ Chí Minh, năm 2009 giảm 55, 93% so với năm 1998; các tỉnh Bình Dương, Cà Mau giảm gần 30%... Kết quả đó đã tạo môi trường xã hội lành mạnh cho phát triển đất nước; tạo niềm tin cho các nhà đầu tư quốc tế vào Việt Nam ngày càng nhiều, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp CNH, HĐH).

Ba là, thể hiện tinh thần kiên quyết tiến công tội phạm, tuân thủ pháp luật, nâng cao tỷ lệ phát hiện, điều tra khám phá tội phạm, qua đó nâng cao năng lực, bản lĩnh chính trị, tinh thần xả thân vì sự bình yên của xã hội và hạnh phúc nhân dân của các lực lượng trực tiếp đấu tranh chống tội phạm.

Bốn là, đã tăng cường xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

Từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm, Quốc hội xây dựng, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng làm nền tảng và tạo hành lang pháp lý cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm ANTT của đất nước. Một số đạo luật, văn bản pháp luật quan trọng gắn với hoạt động điều tra, xử lý tội phạm và các hoạt động tư pháp đã được bổ sung, sửa đổi kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Phòng chống ma túy, Luật Khiếu nại, tố cáo, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự… và hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện như các nghị định, nghị quyết, thông tư… đã được ban hành.

Năm là, quan hệ hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm ngày càng được mở rộng mang lại hiệu quả thiết thực trong việc phòng ngừa ngăn chặn tội phạm từ xa, đấu tranh với tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài.

Trong hợp tác quốc tế với các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực, Việt Nam đã và đang có những nỗ lực đáng kể cùng các nước trong khuôn khổ ASEM, APEC, ASEAN, INTERPOL, ASEANAPOL…Sự mở rộng hợp tác quốc tế đã giúp chúng ta kịp thời ngăn chặn được nhiều đối tượng trong các tổ chức tội phạm quốc tế xâm nhập vào Việt Nam, phá được nhiều vụ án xuyên quốc gia. Qua sự hợp tác chúng ta cũng nhận được nhiều sự giúp đỡ về công nghệ, khoa học kỹ thuật, đào tạo các chuyên gia ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Phối hợp quốc tế tốt trong lĩnh vực an ninh và trật tự xã hội cũng như xây dựng và tăng cường niềm tin của các nước với Đảng và Nhà nước Việt Nam, làm cơ sở cho việc hợp tác trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội…

Câu 49. Mối liên hệ của tội phạm học với khoa học luật hình sự

Gợi ý đáp án:

Tội phạm học là ngành khoa học xã hội, pháp lý nghiên cứu về tội phạm với tư cách là một hiện tượng xã hội, nghiên cứu về tình hình tội phạm và các loại tội phạm cụ thể, về nguyên nhân và điều kiện phạm tội và tất cả các mối liên hệ của tội phạm với những hiện tượng xã hội và với các quá trình diễn ra trong xã hội, về nhân thân người phạm tội, cũng như đề ra những giải pháp phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Tội phạm học có mối liên hệ với các ngành khoa học trong đó có Khoa học luật hình sự. Cụ thể: Cả hai đều nghiên cứu về tội phạm, nhưng theo những cách thức khác nhau, độc lập nhưng có mối liên hệ chặt chẽ, thể hiện ở chỗ:

– Tội phạm học sử dụng các khái niệm mà khoa học mà khoa học luật hình đưa ra như khái niệm tội phạm, các dạng, các loại tội cụ thể và coi hình phạt là một trong những phương pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

– Ngược lại tội phạm học cung cấp cho khoa học luật hình sự , các nhà làm luật, các cán bộ áp dụng pháp luật về thực trạng, cơ cấu và diễn biến của tình hình tội phạm trong xã hội, quy luật vận động của tội phạm. Hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa trong đó có hình phạt; những dự đoán về những thay đổi tương đối của tình hình tội phạm và các nguyên nhân điều kiện của nó trong tương lai để giúp các nhà làm luật quy định tội mới (hình sự hóa) hoặc phi hình sự hóa cũng như việc đưa các chế tài cho phù hợp.

Câu 50. Hãy phân loại nạn nhân theo tính chất và đặc điểm phản ánh phẩm chất nhân thân?

Gợi ý đáp án:

– Loại phổ quát: Loại này liên quan đến những người chứa đựng những đặc điểm nhân thân tiềm ẩn dễ bị xâm hại cao đối với các loại tội phạm khác nhau. Những nạn nhân của dạng này được đặc trưng bởi sự chủ động hoặc bị động đối với những xử sự mang tính nạn nhân.

– Loại lựa chọn: Loại này liên quan đến những người có những đặc điểm dễ bị xâm hại cao bởi những loại tội phạm nhất định. Những điều kiện thuận lợi chứa thuộc tính nạn nhân có thể được quy định bởi những dạng xử sự điển hình trong sự phối hợp với đặc điểm của những tình huống xung đột.

– Loại tình huống: nạn nhân thuộc loại này chứa đựng những thuộc tính nạn nhân tiềm ẩn và trở thành nạn nhân chủ yếu do sự quy tụ những yếu tố tình huống mà nạn nhân không thể vượt qua được sự nguy hiểm đó.

– Loại ngẫu nhiên: Là kết quả của sự ngẫu nhiên của các hoàn cảnh.

– Loại mang tính nghề nghiệp: Liên quan đến nghề nghiệp của họ.

Câu 52. Mối liên hệ giữa nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội và cơ chế của hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

– Cơ chế hành vi của tội phạm phản ánh các đặc điểm nhân thân của người phạm tội cũng như môi trường bên ngoài với tính chất là nguyên nhân của tội phạm.

– Động cơ là khâu đầu tiên của cơ chế hành vi phạm tội, mà sự xuất hiện tiền đề của động cơ chính là những yếu tố phản ánh nhân thân người phạm tội (yếu tố tâm lý như nhu cầu, xúc cảm, sở thích, định hướng về giá trị hay nhân tố bên ngoài của đời sống cụ thể); động cơ được coi là nguyên nhân trực tiếp của tội phạm. Khi nghiên cứu động cơ trả lời được câu hỏi vì sao con người lại có xử sự khác nhau.

Câu 53. Phân biệt các khái niệm "nguyên nhân của tội phạm", "điều kiện của tội phạm", "tính quyết định của tội phạm"

Gợi ý đáp án:

– Nguyên nhân của tội phạm là những hiện tượng đời sống xã hội, phát sinh ra tội phạm, hỗ trợ nó tồn tại thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của tội phạm.

– Điều kiện của tội phạm là những yếu tố làm cho tội phạm nảy sinh và nảy sinh trở lại, tiếp tục tồn tại hoặc phát triển, làm cho tội phạm ngày càng phổ biến, nghiêm trọng. Các điều kiện đó thường là: pháp chế, kỉ cương không nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát, kiểm kê, kiểm sát không nhạy bén, kém hiệu lực; môi trường đạo đức nhân văn sa sút; chế độ trách nhiệm cá nhân không rõ ràng, thưởng phạt thiếu nghiêm minh…

Tính quyết định của tội phạm là những nhân tố tác động vào chủ thể làm chủ thể đưa đến quyết định của tội phạm.

Câu 54. Phương pháp kiểu mẫu trong dự báo tình hình tội phạm

Gợi ý đáp án:

Dự báo tội phạm dưới khía cạnh tội phạm học là sự phỏng đoán trên cơ sở khoa học những thay đổi cơ bản của sự tiến triển về tình hình tội phạm hoặc xác suất việc thực hiện tội phạm của những con người cụ thể trong tương lai. Một trong các phương pháp dự báo tình hình tội phạm là phương pháp kiểu mẫu.

Phương pháp kiểu mẫu của tình hình tội phạm có mục đích dự báo nhằm lập nên giả định của tình hình tội phạm, phân tích trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau thì sự giả định đó có thể thay thế trong phạm vi rõ ràng nghiên cứu tình hình tội phạm trong tương lai.

Câu 55. Ý nghĩa của việc nghiên cứu cơ chế của hành vi phạm tội trong tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Cơ chế của hành vi phạm tội được hiểu là sự tiến triển của hành vi mang tính kế tiếp nhất định: Xuất hiện ý định phạm tội, ra quyết định thực hiện tội phạm, lập kế hoạch hành động và cuối cùng là thực hiện chúng bởi người thực hiện tội phạm.

Ý nghĩa: Việc nghiên cứu cơ chế của hành vi phạm tội trong tội phạm học có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn:

– Lý luận: Làm sáng tỏ các đặc điểm nhân thân của người phạm tội cũng như môi trường bên ngoài với tính chất là nguyên nhân của tội phạm.

– Thực tiễn: Giúp cho việc hình thành nhân thân tốt, Giúp đưa ra biện pháp ngăn chặn, chiến thuật và chiến lược trong phòng ngừa tội phạm, Giảm tỉ lệ phạm tội, Đưa ra các giải pháp nhằm ngăn chặn số lượng tội phạm xảy ra trong xã hội, Góp phần đảm bảo trật tự ANXH.

Câu 56. Những cơ sở khoa học của việc tổ chức phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

– Phòng ngừa tội phạm phải đảm bảo tính hệ thống ở đây tức là không chỉ cơ quan có chức nhân mà toàn dân các tổ chức khác cũng tham vào quá trình phòng ngừa tội phạm.

– Phòng ngừa tội phạm phải đảm bảo tính toàn diện: tính toàn diện ở đây tức là phòng ngừa tội phạm phải phòng ngừa trên mọi lĩnh vực chính trị – Tư tưởng, kinh tế – xã hội, văn hóa, giáo dục, pháp luật, quản lý Nhà nước, và đối với tất cả các loại tội phạm.

– Phòng ngừa tội phạm phải đảm bảo tính khoa học tức là nó phải phù hợp với những giải pháp của ngành khoa học tội phạm học.

– Phòng ngừa tội phạm phải đảm bảo tính khả thi đối với biện pháp được áp dụng: Phù hợp với thực tế, tình hình kinh tế xã hội của đất nước…

Câu 57. Khái niệm, điều kiện của tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm tội phạm trong tội phạm học: tội phạm là hiện tượng xã hội tồn tại trong mọi quốc gia, được phản ánh trong luật hình sự vì trái với chuẩn mực xã hội ở mức cao nhất so với các hiện tượng lệch chuẩn khác. Nó là hiện tượng xã hội-pháp lý.

Điều kiện của tội phạm: Là những yếu tố làm cho tội phạm nảy sinh và nảy sinh trở lại, tiếp tục tồn tại hoặc phát triển, làm cho tội phạm ngày càng phổ biến, nghiêm trọng. Các điều kiện đó thường là: pháp chế, kỉ cương không nghiêm; công tác kiểm tra, giám sát, kiểm kê, kiểm sát không nhạy bén, kém hiệu lực; môi trường đạo đức nhân văn sa sút; chế độ trách nhiệm cá nhân không rõ ràng, thưởng phạt thiếu nghiêm minh…

Câu 58. Các thông số trong thuộc tính phổ biến của nạn nhân?

Gợi ý đáp án:

Thuộc tính phổ biến của nạn nhân được thể hiện thông qua các thông số:

– Số lượng nạn nhân là sự phản ánh con số tuyệt đối về số lượng tội phạm, gây ra những thiệt hại cho thể nhân; số lượng nạn nhân của tội phạm.

– Hệ số của nạn nhân: về nguyên tắc thì tương tự như hệ số của tội phạm.

– Cơ cấu của nạn nhân: có thể được thiết lập dựa trên những dấu hiệu khác nhau như tuổi, giới tính, trình độ văn hóa và những thông số khác về người bị hại; những dấu hiệu liên quan đến người phạm tội, gây ra thiệt hại, thậm chí cho cả chính người phạm tội.

– Động thái của nạn nhân thể hiện sự thay đổi trong giai đoạn thời gian nhất định với chỉ số về số lượng, tình trạng, mức độ và cơ cấu, trong tương quan với tổng thể.

Câu 59: Phân tích sự tương tác lẫn nhau giữa môi trường bên ngoài và nhân thân người phạm tội trong việc hình thành động cơ của tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Hình thành động cơ của tội phạm được coi là khâu đầu tiên của cơ chế hành vi phạm tội. Động cơ của tội phạm là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp cố ý phạm tội thì bao giờ hành vi của người phạm tội cũng được thúc đẩy bởi động cơ phạm tội, chỉ những trường hợp phạm tội do vô ý mới không có động cơ phạm tội thúc đẩy.

Nhân thân người phạm tội là tổng thể những thuộc tính tiêu cực quan trọng mang tính xã hội, được hình thành và phát triển trong quá trình tác động qua lại một cách có hệ thống và đa dạng của những người khác nhau.

Trước khi động cơ xuất hiện, hay nói cách khác là tiền đề của động cơ là những yếu tố tâm lý của nhân thân con người như nhu cầu, xúc cảm, sở thích, những định hướng về giá trị. Nhu cầu của chủ thể đóng vai trò chính trong việc hình thành động cơ của hành vi phạm tội. Nhu cầu của con người phản ánh sự phụ thuộc của người đó vào môi trường bên ngoài. Môi trường bên ngoài (môi trường gia đình, điều kiện kinh tế- xã hội…) sẽ thúc đẩy những nhóm nhu cầu của con người theo những mức độ khác nhau. Những nhu cầu, xúc cảm, sở thích, những định hướng về giá trị (là những thành phần bên trong của nhân thân) vượt quá khả năng của mỗi con người, tiêu cực, không đúng chuẩn mực sẽ có thể tạo nên động cơ của tội phạm.

Câu 60: Hệ thống thống kê hình sự có ảnh hưởng thế nào đến vấn đề tội phạm ẩn của một quốc gia?

Gợi ý đáp án:

Phương pháp thống kê là một trong những phương pháp nghiên cứu của tội phạm học, nó cung cấp những số liệu cụ thể về hành vi phạm tội, người phạm tội và những số liệu khác có liên quan đến tội phạm và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong xã hội để tổng hợp thành lý luận.

Tội phạm ẩn là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể của các hành vi đó) đã xảy ra trong thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự.

Để làm sáng tỏ con số tội phạm ẩn mặc dù chỉ là tương đối, có thể thông qua việc phân tích, so sánh các số liệu thống kê về tội phạm. Từ đó, ta có thể làm rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan của tội phạm ẩn, giúp công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được hiệu quả hơn bởi khi đó ta khoanh vùng được loại tội phạm nào được xử lý hiệu quả (tỉ lệ tội phạm ẩn thấp) và chưa hiệu quả *(tỉ lệ tội phạm ẩn cao)*.

Như vậy, dựa vào hệ thống thống kê hình sự, một quốc gia có thể xác định được tội phạm ẩn để cùng với con số của tội phạm rõ đánh giá chính xác thực trạng tội phạm trong xã hội, đồng thời có thể đưa ra phương pháp giải quyết tình hình tội phạm một cách triệt để khi càng làm tăng được tỉ lệ tội phạm rõ thì tội phạm ẩn càng bị thu hẹp.

Câu 61. Khái niệm và ý nghĩa của việc nghiên cứu tội phạm ẩn?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: tội phạm ẩn là tổng thể các hành vi phạm tội (cùng các chủ thể của các hành vi đó) đã xảy ra trong thực tế, song không được phát hiện, không bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự hoặc không có trong thống kê hình sự.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu tội phạm ẩn: là để phản ánh chính xác thực trạng tội phạm trong xã hội. Từ đó đưa ra những chính sách pháp luật phù hợp, đưa ra những biện pháp phòng ngừa tội phạm thích hợp, làm giảm thiểu tội phạm trong xã hội.

Câu 62. Vai trò của tình hình tội phạm trong việc làm sáng tỏ nguyên nhân tội phạm.

Gợi ý đáp án:

Tình hình tội phạm là hiện tượng xã hội – pháp lý tiêu cực mang tính phổ biến, tính thay đổi về mặt lịch sử, được hình thành từ tổng thể các tội phạm được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định và trên một không gian xác định (vùng, quốc gia, khu vực, thế giới), chứa đựng các chỉ số về lượng (tình trạng, động thái) và các chỉ số về chất (cơ cấu, tính chất).

Tình hình tội phạm có vai trò quan trọng trong việc làm sáng tỏ nguyên nhân tội phạm, bởi tình hình tội phạm chỉ ra xu hướng phát triển của tội phạm ở địa bàn và trong khoảng thời gian nhất định; những thiệt hại, tác động mà tội phạm đã mang lại cho xã hội về con người, kinh tế, môi trường, trật tự xã hội, an ninh xã hội…; tìm ra mối liên hệ với những sự thay đổi của xã hội (đạo đức xã hội, chính trị – Tư tưởng, quản lý – Tổ chức, khoa học – công nghệ…) từ đó góp phần làm sáng tỏ nguyên nhân tội phạm.

Câu 63: Ý nghĩa của việc nghiên cứu tình hình tội phạm trong tội phạm học

Gợi ý đáp án:

Tình hình tội phạm là nội dung quan trọng của tội phạm học trong việc hoạch định các chính sách phòng ngừa tội phạm. Nhằm kiểm soát tội phạm trước hết phải dựa trên cơ sở nghiên cứu toàn diện về tình hình tội phạm. Kết quả nghiên cứu tình hình tội phạm cho chúng ta "bức tranh" toàn cảnh về tội phạm đã xảy ra trong thực tế, đời sống xã hội, hay nói cách khác bản thân nó là sự cảnh báo cho xã hội về một trong các khía cạnh của xã hội đó là "tội phạm", qua đó đánh giá đầy đủ và toàn diện về tội phạm.

Các điểm đặc trưng của tình hình tội phạm thông qua thông số về thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình tội phạm chính là cơ sở để các nhà nghiên cứu,

các nhà chuyên môn giải thích, phát hiện nguyên nhân tội phạm, từ đó hoạch định chính sách phòng ngừa tội phạm, ngăn chặn kịp thời sự gia tăng tỷ lệ tội phạm, kiểm soát tội phạm có hiệu quả.

Câu 64: Vai trò của các cơ quan hành chính của nhà nước trong phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Phòng ngừa tội phạm là tổng hợp các biện pháp khác nhau của Nhà nước, xã hội nhằm khắc phục, hạn chế và loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tội phạm để ngăn chặn và kiểm soát nó trong xã hội. Chủ thể của phòng ngừa tội phạm cụ thể ở đây là cơ quan hành chính nhà nước.

Vai trò của các cơ quan hành chính của nhà nước trong phòng ngừa tội phạm: Thể hiện rõ nét nhất là qua công tác thanh tra, kiểm tra ở các lĩnh vực quản lý hành chính để phát hiện vi phạm, nếu có dấu hiệu tội phạm thì sẽ kiến nghị khởi tố đến cơ quan điều tra hoặc viện kiểm sát để giải quyết hình sự. Ở đây có sự phối hợp giữa cơ quan tố tụng hình sự và cơ quan hành chính trong việc phát hiện và xử lý tội phạm, từ đó nhằm trừng phạt, răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Câu 65. Vai trò của những tình huống cụ thể trong cơ chế của hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

– Tình huống đời sống cụ thể được hiểu là sự kết hợp nhất định của những hoàn cảnh khách quan của đời sống con người, có ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi của người đó trong thời điểm nhất định.

– Dưới khía cạnh tội phạm học thì đó là sự kiện hoặc tình trạng tạo nên sự quyết tâm thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thúc đẩy hoặc cản trở nó, Tình huống thường có trước hành vi phạm tội hoặc có thể đi cùng việc thực hiện tội phạm.

– Sự tác động qua lại giữa tình huống đời sống cụ thể với những đặc điểm nhân thân của người phạm tội là nguồn trực tiếp của hành động lý trí tạo ra tội phạm là điểm mấu chốt của hành vi phạm tội.

Câu 66. Thông qua một đạo luật chuyên ngành, hãy làm rõ vai trò của các tổ chức xã hội trong phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Thông qua một đạo luật cơ bản đó là luật hình sự: Các tổ chức xã hội tuy không được nhắc đến trong các điều luật cụ thể, nhưng thông qua các quy định cụ thể có thể thấy vai trò của họ xuất hiện trong đó.

Ví dụ: trong quyết định hình phạt Án treo, cải tạo không giam giữ,... thì các tổ chức xã hội như hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên góp phần tích cực giúp người phạm tội sớm hòa nhập tại cộng đồng,...

Các tổ chức đoàn thể trên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể:

Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm nói chung của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

Câu 67. Đối tượng nghiên cứu của tội phạm học?

Gợi ý đáp án:

– Tình hình tội phạm được tội phạm học nghiên cứu ở góc độ là một hiện tượng xã hội pháp lý, được hình thành từ một thể thống nhất của các tội phạm cụ thể đã xảy ra trong xã hội.

– Tội phạm học nghiên cứu tình hình tội phạm để làm sáng tỏ những đặc điểm thuộc tính của tình hình tội phạm, những thông số cơ bản của tình hình tội phạm. Ngoài ra tội phạm học còn nghiên cứu tình hình tội phạm trong từng lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, hay tội phạm gắn liền với từng giai đoạn phát triển của xã hội.

– Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được tội phạm học nghiên cứu là những hiện tượng có khả năng làm phát sinh tồn tại tình hình tội phạm trong xã hội dựng được các biện pháp phòng ngừa hiệu quả.

– Nghiên cứu những đặc điểm thuộc nhân thân người phạm tội về nhân thân người phạm tội có vai trò trong việc phạm tội để lý giải được nguyên nhân phạm tội. tội phạm học nghiên cứu nhân thân người phạm tội nhằm làm sáng tỏ mối quan hệ và sự tác động qua lại của các đặc điểm sinh học, xã hội trong nhân thân người phạm tội. Từ đó xác định vai trò của từng nhóm đặc nhằm sử dụng điểm này trong cơ chế của hành vi phạm tội biện pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp.

Ngoài 04 đối tượng cơ bản nêu trên, tội phạm học còn nghiên cứu một số vấn đề khác như là lịch sử phát triển tội phạm học, vấn đề nạn nhân học, vấn đề tội phạm học nước ngoài, vấn đề hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm.

Câu 68. Vai trò của nạn nhân trong cơ chế của hành vi phạm tội?

Gợi ý đáp án:

Trong các tội phạm có nạn nhân, nạn nhân luôn giữ vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Trước hết, những hành vi, xử sự có lỗi của nạn nhân như hành vi mất cảnh giác, hành vi vi phạm đạo đức, thuần phong, mĩ tục… hành vi gây gổ, vi phạm pháp luật hay hành vi phạm tội là những yếu tố tác động làm phát sinh hành vi phạm tội. Ngay cả những trường hợp nạn nhân hoàn toàn không có lôi *(hoàn toàn không có những hành vi, cử chỉ kích thích làm phát sinh hành vi phạm tội)* nhưng vì nạn nhân ở trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định nên dễ trở thành nạn nhân của tội phạm như làm những công việc có nguy cơ dễ bị hành vi phạm tội xâm hại *(nghề "xe ôm", lái xe taxi, nghề kinh doanh vàng bạc…)*; cư trú ở những nơi vắng vẻ hoặc thuộc gia đình giàu có… Đánh giá một cách toàn diện các yếu tố có vai trò quan trọng từ phía nạn nhân trong việc thúc đẩy làm hình thành ý định phạm tội cũng như thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội, cũng như tìm hiểu đặc trưng của các nhóm người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng những định hướng cũng như các biện pháp phòng ngừa.

Câu 69. Vai trò của những dấu hiệu định lượng của tình hình tội phạm trong tội phạm học

Gợi ý đáp án:

Việc nhận biết dấu hiệu định lượng của tội phạm cho chúng ta thấy cái nhìn tổng quan về bức tranh tình hình tội phạm:

– Thực trạng của tình hình tội phạm cũng những số liệu về tội phạm và những chủ thể thực hiện tội phạm đó trong một thời gian và một khu vực nhất định.

– Động thái sự thay đổi của tình hình tội phạm theo thời gian (tăng lên hay giảm đi).

Từ đó, mà chúng ta có thể đưa ra những phương án phòng ngừa đấu tranh với tội phạm.

– Đối với những tội phạm đang có chiều hướng gia tăng: Cần thúc đẩy nghiên cứu, xem xét tìm ra nguyên nhân của tội phạm, từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa hợp lý.

– Đối với những tội phạm đang có chiều hướng giảm đi: Tiếp tục áp dụng những biện pháp phòng ngừa tội phạm, nhằm kiểm soát chúng một cách tối đa, không để diễn ra trong xã hội.

Câu 70. Ý nghĩa của việc nghiên cứu các yếu tố kiềm chế trong tái hòa nhập xã hội đối với người phạm tội

Gợi ý đáp án:

Các yếu tố kiềm chế là những đặc tính bảo vệ một cá nhân.

– Sự kiềm chế là khả năng lấy lại được sức mạnh và tinh thần trong hoàn cảnh bất lợi tác động của cả bên trong (chính mình)và bên ngoài (gia đình, bạn bè, xã hội…) để dẫn đến một kết quả tích cực.

– Việc nghiên cứu các yếu tố kiềm chế này giúp hỗ trợ khả năng kiềm chế ở người phạm tội qua đó tạo điều kiện hội nhập xã hội cho họ, góp phần nâng cao tỉ lệ người phạm tội tái hòa nhập trong xã hội, đảm bảo an toàn công cộng.

– Khả năng kiềm chế có thể được bồi dưỡng thông qua các mô hình và giảng dạy người phạm tội về hành vi thích hợp để đáp ứng nhu cầu của họ, cũng như, hoặc tốt hơn là những hành vi kém thích nghi của họ.

– Khi mọi người có thể hiểu và điều chỉnh cảm xúc của họ, rèn luyện tính kỷ luật, và nâng cao sự kiểm soát cảm xúc, sự đánh giá, họ có thể đối phó tốt hơn với sự khó chịu, hung hăng hay bạo lực và tránh những kết quả xử sự tiêu cực.

Câu 71. Vai trò của nhân thân người phạm tội trong cơ chế của hành vi phạm tội.

Gợi ý đáp án:

Có thể nói nhân thân người phạm tội là bộ phận quan trọng và cơ bản của cơ chế hành vi phạm tôi bởi vì: nhân thân người phạm tội là tổng hợp các đặc điểm, những dấu hiệu quan trọng thể hiện rõ nhất bản chất xã hội của con người thực hiện hành vi phạm tội.

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội có một ý nghĩa quan trọng trong việc tìm hiểu rõ các đặc điểm về nhân thân có tính chất đặc biệt mà người bình thường không có, cơ chế hình thành các đặc điểm đó, hay nói cách khác là nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm, nguyên nhân của tình hình tội phạm thuộc yếu tố về chủ thể người thực hiện hành vi phạm tội; đâu là nhân tố liên quan tới việc hình thành và thúc đẩy các phẩm chất tiêu cực của con người, khiến họ có hành động đi ngược lại với các chuẩn mực, các lợi ích xã hội;

Câu 72. Vai trò của cá nhân trong phòng ngừa tội phạm. Nêu ví dụ minh họa

Gợi ý đáp án:

Cá nhân đóng vai trò quan trọng trong phòng ngừa tội phạm.

– Việc phòng ngừa tội phạm không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước, các tổ chức xã hội mà còn là nhiệm vụ của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân đều tham gia vào các tổ chức, hoạt động của xã hội.

– Khi một cá nhân có ý thức pháp luật tốt, không chỉ giúp mình không thực hiện tội phạm mà còn có thể ngăn chặn những hành vi phạm tội của người khác.

– Cá nhân với vai trò là một thực thể của xã hội, chính vì thế họ tham gia vào tất các hoạt động trong xã hội (tùy thuộc vào giới tính, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo, địa vị xã hội,…) , góp phần vào sự phát triển của xã hội. Chính vì vai họ có vai trò quyết định trong sự phát triển của cả một xã hội.

Ví dụ: *Ông bà, cha mẹ cần làm gương cho con cháu noi theo. Khi gia đình có ông bà, cha mẹ gương mẫu sẽ tác động tích cực đến các thành viên khác của gia đình. Ngược lại, ông bà, cha mẹ không tốt, hay vi phạm pháp luật thì sẽ dẫn đến những thành viên khác trong gia đình vi phạm pháp luật, thậm chí có thái độ coi thường pháp luật, coi thường các giá trị khác của cuộc sống. Tổ chức các cuộc hội thảo, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng gia đình tiêu biểu để giáo dục nâng cao nhận thức, nhân cách cho các thành viên trong gia đình.*

Câu 73. Khái niệm dự báo tình hình tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Dự báo tình hình tội phạm dưới khía cạnh tội phạm học là sự phỏng đoán trên cơ sở khoa học những thay đổi cơ bản (khuynh hướng, quy luật) của sự tiến triển về tính hình tộ phạm hoặc xác xuất việc thực hiện tội phạm của những con người cụ thể trong tương lai.

Dự báo là sự *"nhìn trước"* những hiện tượng mới có tính nguy hiểm cho xã hội cần được tội phạm hóa, dự báo sự mất dần đi của những loại tội phạm riêng biệt để phi tội phạm hóa chúng, dự báo hiệu quả tác động của những quy phạm pháp

luật hình sự, những biện pháp phòng ngừa, dự báo sự phát triển của những khoa học tội phạm học và những khả năng của chúng.

3 loại dự báo:

– Dự báo tình hình;

– Dự báo hành vi phạm tội cụ thể;

– Dự báo khả năng phát triển của những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới của con người cần phải tội phạm hóa.

Câu 74. Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong phòng ngừa tội phạm.

Gợi ý đáp án:

Về công tác phòng ngừa tội phạm, Đảng cộng sản Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng, Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm, xác định công tác này là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên cấp thiết; đề ra các nghị quyết, chương trình để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, kế hoạch phòng, chống tội phạm.

– Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, kết hợp chặt chẽ giữa công tác phòng, chống tội phạm với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội.

– Thường xuyên tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân về phòng, chống tội phạm để mỗi người thấy được quyền lợi, nghĩa vụ, tích cực tham gia công tác này.

– Tập trung điều tra, khám phá, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm, nhất là tội xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về tham nhũng, tội phạm có tổ chức, các loại tội phạm về ma túy, mua bán người, lừa đảo chiếm đoạt lớn tài sản nhà nước.

(Chỉ thị 48-CT/TW công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới của Ban chấp hành TW Đảng ngày 22/10/2010).

Câu 75. Ý nghĩa của việc nghiên cứu dự báo tình hình tội phạm trong tội phạm học.

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Dự báo tình hình tội phạm là 1 hoạt động dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn để đưa ra những nhận định mang tính phán đoán về tình hình tội phạm trong tương lai, những thay đổi về nhân thân người phạm tội những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm và khả năng phòng chống tội phạm của các chủ thể. Từ đó kiến nghị các phương hướng để phòng ngừa tội phạm.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu dự báo tình hình tội phạm:

– Dự báo tình hình tội phạm sẽ tạo sự chủ động cho các chủ thể khi tiến hành hoạt động phòng ngừa tội phạm, làm nên chất lượng phòng chống tội phạm cao.

– Dự báo tình hình tội phạm tạo cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội trong đó có các chính sách về pháp luật nói chung và chính sách hình sự nói riêng.

– Dự báo tình hình tội phạm còn tạo cơ sở cho việc hoàn thiện bộ máy phòng chống tội phạm như nhân sự, cơ cấu tổ chức, lực lượng, cơ chế phối hợp kết hợp, trang thiết bị.

Câu 76. Đối tượng nghiên cứu của nạn nhân học?

Gợi ý đáp án:

Đối tượng nghiên cứu của nạn nhân học bao gồm:

– Những đặc điểm xã hội, tâm lý – đạo đức của nạn nhân của tội phạm để làm sáng tỏ những phẩm chất đạo đức, ý chí có liên quan nào đưa con người trở thành nạn nhân.

– Những mối quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân để làm sáng tỏ chúng có ảnh hưởng thế nào đến việc phát sinh hành vi phạm tội.

– Những hoàn cảnh xuất hiện trước tội phạm và những tình huống liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nhằm trả lời cho câu hỏi ý nghĩa tội phạm học của việc xuất hiện hành vi (hành động hoặc không hành động) của nạn nhân.

– Hành vi hậu tội phạm của nạn nhân nhằm trả lời cho câu hỏi nạn nhân làm điều gì để phục hồi quyền của mình.

– Hệ thống những biện pháp có tính chất phòng ngừa để bảo vệ nạn nhân.

– Cách thức, khả năng, phương pháp bồi thường những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.

Câu 77. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa nguyên nhân của tội phạm?

Gợi ý đáp án:

Khái niệm: Nguyên nhân của tội phạm là những hiện tượng đời sống xã hội, phát sinh ra tội phạm, hỗ trợ nó tồn tại thúc đẩy hay kìm hãm sự phát triển của tội phạm.

Đặc điểm:

– Luôn là những hiện tượng có nguồn gốc và bản chất xã hội.

– Luôn thể hiện những mâu thuẫn và xung đột trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội. Ví dụ: kinh tế chính trị, tư tưởng tâm lý.

– Luôn thể hiện tính tiêu cực: ở sự cản trở, đối lập với xu thế phát triển chung của đời sống xã hội như sự chống đối về chính trị, những chính sách phát triển kinh tế xã hội không phù hợp, trình độ dân trí thấp kém, sự vi phạm pháp luật, đạo đức.

– Tính phổ biến và ổn định tương đối về mặt thời gian.

Ý nghĩa:

– Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm một cách khoa học và hiệu quả.

– Là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội một cách phù hợp giảm thiểu các mâu thuẫn xã hội là nguyên nhân làm phát sinh tình hình tội phạm.

Câu 78. Phương pháp đánh giá chuyên gia trong dự báo tội phạm

Gợi ý đáp án:

Phương pháp chuyên gia là phương pháp điều tra qua đánh giá của các chuyên gia về vấn đề, một sự kiện khoa học nào đó.

Phương pháp đánh giá chuyên gia trong dự báo tội phạm là sự đánh giá, dự báo tội phạm qua việc xử lí một cách có hệ thống ý kiến của các chuyên gia. Bản đánh giá của các chuyên gia là cơ sở để tiến hành giải quyết vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp chuyên gia rất cần thiết cho người nghiên cứu không chỉ trong quá trình nghiên cứu mà còn cả trong quá trình nghiệm thu, đánh giá kết quả, hoặc thậm chí cả trong quá trình đề xuất giả thuyết nghiên cứu, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, củng cố các luận cứ…..

Phương pháp chuyên gia là phương pháp có ý nghĩa kinh tế, nó tiết kiệm về thời gian, sức lực, tài chính để triển khai nghiên cứu. Tuy nhiên nó chủ yếu dựa trên cơ sở trực cảm hay kinh nghiệm của chuyên gia, vì vậy chỉ nên sử dụng khi

các phương pháp không có điều kiện thực hiện, không thể thực hiện được hoặc có thể sử dụng phối hợp với các phương pháp khác.

Đặc điểm: Tham khảo ý kiến các chuyên gia có kinh nghiệm.

Các bước:

– Bước 1: Thu thập, cung cấp thông tin, đề nghị chuyên gia đánh giá;

– Bước 2: Chuyên gia cho ý kiến;

– Bước 3: Tổng hợp, xử lí ý kiến chuyên gia;

– Bước 4: Đưa ra kết quả nghiên cứu.

Yêu cầu: Chuyên gia phải đủ trình độ chuyên sâu, có hiểu biết sâu sắc tình hình tội phạm

Đánh giá:

– Ưu điểm:

+ Phát huy trong trường hợp thiếu thông tin, điều kiện kinh tế xã hội thay đổi nhanh chóng.

+ Làm sáng tỏ mặt định tính của tình hình tội phạm sâu sắc

– Nhược điểm:

+ Tốn kém

+ Kết quả nghiên cứu phụ thuộc nhiều vào quan điểm của chuyên gia

Câu 79. Các quan điểm về vị trí của nạn nhân học

Gợi ý đáp án:

Nạn nhân được hiểu là những cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản. Nạn nhân bao gồm rất nhiều loại như nạn nhân của chiến tranh,

nạn nhân của thiên tai, nạn nhân bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân tự tử, nạn nhân của tội phạm… Trong các loại nạn nhân kể trên thì nạn nhân của tội phạm là dạng nạn nhân đặc biệt.

Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm giúp ngăn ngừa rủi ro và hạn chế các nguyên nhân thúc đẩy nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm sẽ giúp cho việc tìm hiểu, đánh giá các nguyên nhân từ phía nạn nhân làm phát sinh hành vi phạm tội.

Trong các tội phạm có nạn nhân, nạn nhân luôn giữ vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Trước hết, những hành vi, xử sự có lỗi của nạn nhân là những yếu tố tác động làm phát sinh hành vi phạm tội. Ngay cả những trường hợp nạn nhân hoàn toàn không có lôi nhưng vì nạn nhân ở trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định nên dễ trở thành nạn nhân của tội phạm; Đánh giá một cách toàn diện các yếu tố có vai trò quan trọng từ phía nạn nhân trong việc thúc đẩy làm hình thành ý định phạm tội cũng như thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội, cũng như tìm hiểu đặc trưng của các nhóm người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng những định hướng cũng như các biện pháp phòng ngừa.

– Nghiên cứu nạn nhân giúp cho việc xây dựng và thực hiện tốt các chính sách hình sự, chính sách xã hội.

– Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm cho phép xác định phạm vi chính xác những người được coi là nạn nhân của tội phạm, từ đó có chính sách để phân loại nạn nhân làm căn cứ xây dựng các chính sách bồi thường và trợ giúp nạn nhân phù hợp.

Câu 80. Vai trò của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong phòng ngừa tội phạm?

Gợi ý đáp án:

– Các cơ quan quản lý kinh tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ, du lịch trong phạm vi tổ chức hoạt động chuyên môn

+ Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh phát triển tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lý.

+ Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn góp phần khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả.

+ Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, làm tốt công tác phòng chống trong nội bộ, ngoài xã hội theo chương trình chung của Chính phủ.

– Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản

+ Các tổ chức đoàn thể trên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể:

+ Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

+ Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

+ Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm nói chung của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

– Công dân

+ Công dân có nghĩa vụ và quyền lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải quán triệt:

+ Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

+ Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.

+ Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

+ Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt chương trình *"Quốc gia phòng chống tội phạm"*. Làm tốt công tác tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội khi trở về địa phương.

+ Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình).

Lưu hành trực tuyến: Chuyên trang Học luật trực tuyến (hocluat.vn)

fb.com/hocluat.vn

tailieu@hocluat.vn

Nên chia sẻ để học tập, không nên thương mại hóa